

CÔNG BỐ

Giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 09/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 26/2023/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ủy quyền công bố giá vật liệu xây dựng; đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Trên cơ sở văn bản cung cấp giá vật liệu xây dựng của UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc; báo giá vật liệu xây dựng của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, các đại lý phân phối các cấp trong và ngoài tỉnh; Sở Xây dựng công bố giá vật liệu xây dựng tháng 6 năm 2024 trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Về nguồn thông tin, xác định giá vật liệu xây dựng

- Thông tin giá vật liệu xây dựng do UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc cung cấp để công bố tại Phụ lục 1.

- Thông tin giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 2.

- Thông tin giá vật liệu xây dựng do các đơn vị sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng ngoài tỉnh cung cấp để công bố tại Phụ lục 3.

2. Một số nội dung lưu ý khi xác định giá vật liệu xây dựng

a) Về giá vật liệu xây dựng:

- Giá các loại vật liệu xây dựng tại các Phụ lục kèm theo Công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Trường hợp vật liệu xây dựng chưa có trong công bố giá hoặc đã có nhưng chủng loại vật liệu không phù hợp với yêu cầu về tiêu chuẩn, quy chuẩn, chất lượng, khả năng cung ứng và các điều kiện cụ thể khác theo từng dự án, công trình thì giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình được thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá lựa chọn trên cơ sở tham khảo các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng theo hướng dẫn tại điểm b mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023. Việc lựa chọn giá vật liệu xây dựng phải khách quan, minh bạch, đảm bảo hiệu quả của dự án.

- Khuyến khích lựa chọn vật liệu xây dựng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường khi lập báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế xây dựng và xác định chi phí đầu tư xây dựng cho công trình, dự án nhưng phải đảm bảo hiệu quả đầu tư và đáp ứng yêu cầu của dự án.

- Trường hợp dự án có yêu cầu phải sử dụng vật liệu xây dựng đặc thù, không phổ biến trên thị trường, hoặc sử dụng vật liệu nhập khẩu thì phải thuyết minh cụ thể trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật và thuyết minh thiết kế xây dựng.

- Các tiêu chí cần đánh giá, xem xét khi lựa chọn giá vật liệu xây dựng để xác định giá xây dựng công trình theo hướng dẫn tại điểm a mục 1.2.1.1 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 được sửa đổi, bổ sung tại Mục 3 Phụ lục kèm theo Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023.

- Tùy thuộc các điều kiện cụ thể của dự án, công trình liên quan đến yêu cầu về vật liệu xây dựng, các tổ chức và cá nhân lựa chọn xác định giá vật liệu xây dựng theo nguyên tắc lựa chọn giá phù hợp nhất đáp ứng các tiêu chí nêu trên khi trình/thẩm định trên cơ sở các nguồn thông tin về giá vật liệu xây dựng đảm bảo kinh tế, cạnh tranh, tiết kiệm, hiệu quả.

b) Phương pháp xác định giá vật liệu đến hiện trường công trình thực hiện theo hướng dẫn tại mục 1.2.1.2 Phụ lục IV Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.

3. Tổ chức thực hiện.

a) Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng, Quản lý nhà và Thị trường bất động sản có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Sở đăng tải công bố trên trang thông tin điện tử của Sở Xây dựng tại địa chỉ <http://sxd.lamdong.gov.vn/> (mục **Kinh tế VLXD Quản lý nhà TT BĐS/Giá Xây dựng**) và gửi kết quả về Bộ Xây dựng, UBND tỉnh để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Tiếp nhận các ý kiến phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan, tổng hợp báo cáo đề xuất Ban Giám đốc xem xét, chỉ đạo xử lý.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân căn cứ công bố này là cơ sở để xác định giá xây dựng các dự án, công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây là dự án PPP); đối với các dự án sử dụng vốn khác tham khảo, sử dụng để xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ; khi xác định giá xây dựng công trình phải được tính đúng, tính đủ theo từng dự án, công trình, gói thầu xây dựng phù hợp với yêu cầu thiết kế, điều kiện xây dựng và mặt bằng giá thị trường.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có văn bản gửi về Sở Xây dựng hoặc liên hệ trực tiếp qua số điện thoại 0263.3821.469 – Phòng KTVLXDQLN&TTBĐS để được xem xét, hướng dẫn theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng (để b/c);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Kho Bạc NN tỉnh Lâm Đồng;
- Các sở : KH&ĐT, TC, GTVT, NN&PTNT, CT;
- UBND các huyện, thành phố Đà Lạt và Bảo Lộc;
- Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Lâm Đồng;
- Ban QLDA ĐTXD &CTCC các huyện;
- Ban QLDA ĐTXD thành phố Bảo Lộc;
- Ban QLDA ĐTXD và PTQĐ thành phố Đà Lạt;
- Ban GD Sở;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc Sở;
- Văn phòng Sở (để đăng tải công thông tin điện tử);
- Lưu: VT, KTXD.

GIÁM ĐỐC

Lê Quang Trung



PHỤ LỤC 01
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG DO UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT VÀ BẢO LỘC CUNG CẤP THÁNG 6 NĂM 2024.
(Kèm theo Văn bản số: 1305 /CBG-SXD ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Vận chuyển*	GHI CHÚ	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*													
						Đà Lạt	Lạc Dương	Đơn Dương	Dức Trọng	Lâm Hà	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên		
[1]	[2]	[3]	[4]	[10]		[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]		
I	XI MĂNG																		
		Xi măng Hà Tiên PCB40	đ/tấn	- Lạc Dương, Đơn Dương: giao tới công trình trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. - Đam Rông: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. - Di Linh: giao tới công trình trong phạm vi < 10 km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. - Bảo Lộc;Bảo Lâm: trong phạm vi 10km tính từ trung tâm. - Đạ Tẻh: giao tại công trình, trong địa bàn huyện < 10km; - Đạ Huoi: giá tại cửa hàng 1. TP Đà Lạt báo giá tại cửa hàng: VLXD Thanh Trà, địa chỉ: 358 Hai Bà Trưng, điện thoại: 0908 020.206. 2. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Bidaup, thị trấn Lạc Dương. Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. 3. Huyện Đức Trọng báo giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20,Thị trấn Liên Nghĩa. 4. Huyện Đam Rông báo giá: DNTN Triều An (SĐT:02633.984.919); Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982 779486). 5. Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 1086, đường Hùng Vương, Tô Dân phố 15, thị trấn Di Linh. 6. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lao,TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP.Bảo Lộc. 7. Huyện Bảo Lâm: Công ty TNHH Hòa Hưng (Địa chỉ: 183 Lý Thường Kiệt, phường 1, thành phố Bảo Lộc t/ĐT: 0968.276.686). 8. Huyện Đạ Huoi báo giá tại Cửa hàng VLXD Tuyên Thủy thôn 1, xã Madaguoi. Huyện Cát Tiên báo giá của Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư Hoàng Yến, TDP 13, thị trấn Cát Tiên		2.280.000	2.200.000	2.200.000	2.250.000	2.400.000	2.200.000	2.198.800	2.300.000					2.020.000	2.060.000
		Xi măng Insee PCB40	đ/tấn			2.300.000	2.200.000	2.100.000	2.200.000		2.200.000	2.208.000	2.200.000	1.940.000	1.980.000	2.080.000			
		Xi măng Nghi Sơn PCB40	đ/tấn			2.280.000	2.260.000	2.200.000	2.200.000		2.460.000	2.200.000							
		Xi măng Phúc Sơn PCB40	đ/tấn					2.100.000	2.000.000		2.300.000	2.100.000							
		Xi măng Cẩm Phả PCB40	đ/tấn			2.140.000		2.100.000	2.000.000	2.100.000		2.100.000	1.959.600	2.100.000	1.800.000	1.880.000	2.000.000		
		Xi măng Công Thanh PCB40	đ/tấn											2.040.000					
		Xi măng Thăng Long PCB40	đ/tấn											1.900.000					
		Xi măng Sài Gòn PCB40	đ/tấn											1.900.000					

[illegible]

		Gạch ống 6 lỗ tròn	viên	Lạc Dương: giao tới công trình trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. Đam Rông: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. Bão Lộc: trong phạm vi 10km tính từ trung tâm thành phố; Đạ Tẻh: giao tại công trình, trong địa bàn huyện < 10km	1. Thành phố Đà Lạt báo giá tại Công ty Phúc Cát, địa chỉ: 103/2 Tự Phước, Phường 11. Điện thoại: 0917874979. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Biduop, thị trấn Lạc Dương; Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. 2. Huyện Đức Trọng báo giá của: Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa. Huyện Đam Rông báo giá: DNTN Triều An (SĐT: 02633.984.919); Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982 779486). 3. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc. 4. Huyện Bảo Lâm báo giá Công ty TNHH XD LTH Đức Mạnh (Địa chỉ: Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm/SĐT: 02633877404)
		Gạch ống 6 lỗ vuông	viên		
		Gạch ống 4 lỗ	viên		
		Gạch thẻ	viên		
	Gạch không nung				
		Gạch không nung (5x8x18)cm	viên	Đam Rông: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. Đạ Tẻh: báo giá tại Cty TNHH Phương Hoàng Mai, TDP4D, thị trấn Đạ Tẻh. Huyện Bảo Lâm báo giá bán tại Công ty TNHH Hưng Anh (Địa chỉ: tổ 22, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm).	1. Huyện Đức Trọng báo giá của: Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa. Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa. Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20, Thị trấn Liên Nghĩa. 2. Huyện Đam Rông báo giá: Công ty TNHH MTV Toàn Tuyệt huyện Lắc 3. Huyện Đạ Tẻh báo giá bán tại Cty TNHH Phương Hoàng Mai. 4. Huyện Cát Tiên báo giá tại Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư Hoàng Yên. Tổ dân phố 13, thị trấn Cát Tiên
		Gạch không nung (7,5x7,5x17,5)cm	viên		
		Gạch không nung (7,5x11,5x17,5)cm	viên		
		Gạch không nung (8x8x18cm)	viên		
		Gạch không nung (8x13x18)cm	viên		
		Gạch không nung (9x19x39cm)	viên		
		Gạch không nung (19x19x39cm)	viên		

	2.000	1.800		1.500	1.350		1.790	1.780		1.300	
		1.800	2.000		1.350						
							1.460			1.100	
2.000	1.500	1.400	1.500	1.500							
			1.500							1.560	
			1.800								
			2.200		1.950						
	1.850		1.850				1.545			1.705	1.450
										2.450	2.230
										9.185	7.900
											13.600



		Gạch không nung (20x20x40)cm	viên															15.902				
IV	ĐÁ XÂY DỰNG																					
		Đá chẻ	viên	- Đơn Dương:giao tới công trình, trong phạm vi < 10km tính từ các cửa hàng trung tâm huyện. Đạm Rông: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. Di Linh: giao tới công trình trong phạm vi <10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. Bảo Lâm: giá tại cửa hàng trung tâm huyện; Đạ Tẻh: giao tại công trình, trong địa bàn huyện < 10km; Đạ Huoai: giá tại cửa hàng	1. TP Đà Lạt báo giá tại Cty TNHH Phúc Cát, địa chỉ: 103/2 Tự Phước, phường 11, điện thoại :091 874.979. 2. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dươ; Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Bίδuop, thị trấn Lạc Dương. Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hứmg, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. 3. Huyện Đức Trọng báo giá của:Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thông Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20,Thị trấn Liên Nghĩa. 4. Huyện Đạm Rông báo giá: DNTN Triều An (SĐT:02633.984.919); Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SDT: 0982 779486). Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 1086, đường Hùng Vương, tổ Dân phố 15, thị trấn Di Linh. 5. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú. Phường B'Lao.TP Bảo Lộc: Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP.Bảo Lộc. 6. Huyện Đạ Huoai báo giá tại Cửa hàng Tuyên Thủy, thôn 1 xã Madaguôi. 7. Huyện Đạ Tẻh: Báo giá tại cửa hàng VLXD Quang Tiến TDP 4D và Thủy Trang, TDP 2A, VLXD Duy, TDP 3A, thị trấn Đạ Tẻh 8. Huyện Cát Tiên báo giá tại Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư Hoàng Yến, Tổ dân phố 13, thị trấn Cát Tiên	7.500	6.800	8.000	8.500	6.500	6.500	5.500	4.000	3.800								
		Đá 0x4	m ³			550.000		380.000	400.000		310.000	300.000		330.000	330.000							
		Đá mi sàng 0,5x1	m ³																			
		Đá hộc (Loka)	m ³					380.000				400.000		320.000								
		Đá 1x2 cm	m ³			620.000	550.000	480.000	470.000	500.000	550.000	470.000	530.000	480.000	400.000	493.000	580.000					
		Đá 2x4 cm	m ³					440.000	400.000	400.000		470.000		380.000	350.000							
		Đá 4x6 cm	m ³				550.000	380.000	400.000		380.000	420.000	400.000	380.000	350.000	440.000	470.000					
		Đá 5x7 cm	m ³			570.000	570.000	380.000	400.000		380.000	400.000	400.000	380.000	360.000							
V	THÉP XÂY DỰNG																					
	Thép Việt Nhật																					
		Thép cuộn Ø6	kg					16.800					17.000		17.900	16.500	18.100	19.600				
		Thép cuộn Ø8	kg					16.800					17.000		17.900	16.500	18.100	19.600				

		Thép cây vằn Ø10	cây	tâm huyện. Đơn Dương: giao tới công trình, trong phạm vi < 10km tính từ các cửa hàng trung tâm huyện. Di Linh: giao tới công trình trong phạm vi <10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện .Bảo Lộc: trong phạm vi 10km tính từ trung tâm thành phố; Bảo Lâm: Gia tại cửa hàng trung tâm huyện; Đạ Tẻh: giao tại công trình, trong địa bàn huyện < 10km	DV Thông Minh số 16 Bidaup, thị trấn Lạc Dương.Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. 3. Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 1086, đường Hùng Vương, tổ Dân phố 15, thị trấn Di Linh. 4. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP.Bảo Lộc. 5. Huyện Đạ Huoai báo giá tại Cửa hàng VLXD Tuyên Thủy thôn 1 xã Madaguôi. 6. Huyện Cát Tiên báo giá tại Công ty TNHH Xây dựng và đầu tư Hoàng Yến, Tổ dân phố 13, thị trấn Cát Tiên	132.000	131.000	110.000				115.000	115.500	121.577	114.200	120.000	127.000
		Thép cây vằn Ø12	cây			182.000	180.100	169.000				171.000	166.000	172.708	164.600	170.000	177.000
		Thép cây vằn Ø14	cây			251.000	245.300	230.000				230.000	225.000	234.115	223.900	228.000	238.000
		Thép cây vằn Ø16	cây			325.000	324.100	298.000				320.000	295.000	305.443	292.700	300.000	307.000
		Thép cây vằn Ø18	cây			405.000	395.500	378.000				380.000	373.000	386.007	370.400	380.000	389.000
		Thép cây vằn Ø20	cây			498.000	490.700	460.000				600.000	461.500	475.980	428.000		
		Thép cây vằn Ø22	cây				578.700	564.000					555.000	586.404			
		Thép cây vằn Ø25	cây								728.000						
	Thép POMINA																
		Thép cuộn Ø6	kg	1. TP Đà Lạt báo giá tại các cửa hàng: VLXD Thanh Trà, địa chỉ: 358 Hai Bà Trưng, điện thoại:0908 020 206. 2. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Bidaup, thị trấn Lạc Dương; Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. 3. Huyện Đức Trọng báo giá của Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20.Thị trấn Liên Nghĩa. 4. Huyện Đam Rông báo giá: DNTN Triều An (SĐT:02633.984.919); Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982 779486). 5. Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 1086, đường Hùng Vương, tổ Dân phố 15, thị trấn Di Linh. 6. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155	17.500	17.000	16.600	16.500	19.650	19.500	16.500	16.700					
		Thép cuộn Ø8	kg		17.500	17.000	16.600	16.500	19.650	19.500	16.500	16.700					
		Thép cây vằn Ø10	cây		123.000	122.000	106.000	100.000	107.000	115.000	108.000						
		Thép cây vằn Ø12	cây		175.000	172.000	162.000	170.000	167.000	180.000	166.000						
		Thép cây vằn Ø14	cây		240.000	236.000	223.000	230.000	232.000	257.000	224.000						
		Thép cây vằn Ø16	cây		312.000	309.000	285.000		296.000	322.000	292.000						
		Thép cây vằn Ø18	cây		394.000	391.000	365.000		375.000	425.000	369.000						



		Thép cây vằn Ø20	cây		Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP.Bảo Lộc. 7. Huyện Đạ Huoai báo giá tại Cửa hàng Tuyên Thủy thôn , xã Madaguôi	482.000	482.000	448.000	440.000		515.000	454.000						
		Thép cây vằn Ø22	cây				605.000	536.000	530.000		620.000	533.000						
VI	GỖ XÂY DỰNG																	
		Gỗ xẻ làm cột - pha nhóm VII – VIII	m3	Lạc Dương: giao tới công trình trong phạm vi <10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. Đam Rông: giao tới công trình trong phạm vi < 10km tính từ cửa hàng;	1. Huyện Lạc Dương báo giá tại các cửa hàng trung tâm huyện: Cửa hàng VLXD Minh Chung, số 52 Lang Biang thị trấn Lạc Dương; Công ty TNHH TM-DV Thông Minh số 16 Biduop, thị trấn Lạc Dương; Cửa hàng VLXD Dư Thịnh Hưng, điện thoại: 0972009009, thị trấn Lạc Dương. 2. Huyện Đức Trọng báo giá của : Công ty TNHH XD&TM Ngọc Thanh, địa chỉ: Quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa.; Cửa hàng VLXD&TTNT Phước Thu, ĐC: 32 Thống Nhất, Liên Nghĩa; Cửa hàng VLXD&TTNT Hải Hiền, ĐC 342, Quốc lộ 20,Thị trấn Liên Nghĩa. 3. Huyện Đam Rông báo giá: DNTN Triều An (SĐT:02633.984.919); Cửa hàng VLXD Khanh thôn 1 xã Rô Men (SĐT: 0982 779486). 4. Huyện Di Linh báo giá tại Đại lý VLXD Duy Thanh số 1086, đường Hùng Vương, tổ Dân phố 15, thị trấn Di Linh. 5. Thành phố Bảo Lộc: báo giá tại Công Ty TNHH Thương Mại Xây Dựng - V-T-Vũ Thiện, địa chỉ: 815 Trần Phú, Phường B'Lao, TP Bảo Lộc; Công ty TNHH Thành Lợi Phương địa chỉ: 155 Trần Phú, phường Lộc Sơn, TP.Bảo Lộc.		6.500.000	5.900.000	6.500.000	6.000.000	5.600.000	5.900.000	6.500.000	6.000.000	6.000.000	4.600.000		
		Gỗ xẻ làm cầu kiện – trang trí nội thất nhóm 4	m3	Đam Rông: giao tới công trình trong phạm vi 10km tính từ cửa hàng. Di Linh: giao tới công trình trong phạm vi <10km tính từ cửa hàng trung tâm huyện. Bảo Lộc: trong phạm vi 10km tính từ trung tâm thành phố; Bảo Lâm: giá tại cửa hàng trung tâm huyện; Đạ Huoai: giá tại cửa hàng			6.500.000	6.600.000	7.000.000		6.400.000	6.000.000		6.000.000				
		Gỗ xẻ làm cầu kiện – trang trí nội thất nhóm 3	m3					9.200.000	7.000.000		9.200.000	8.700.000						



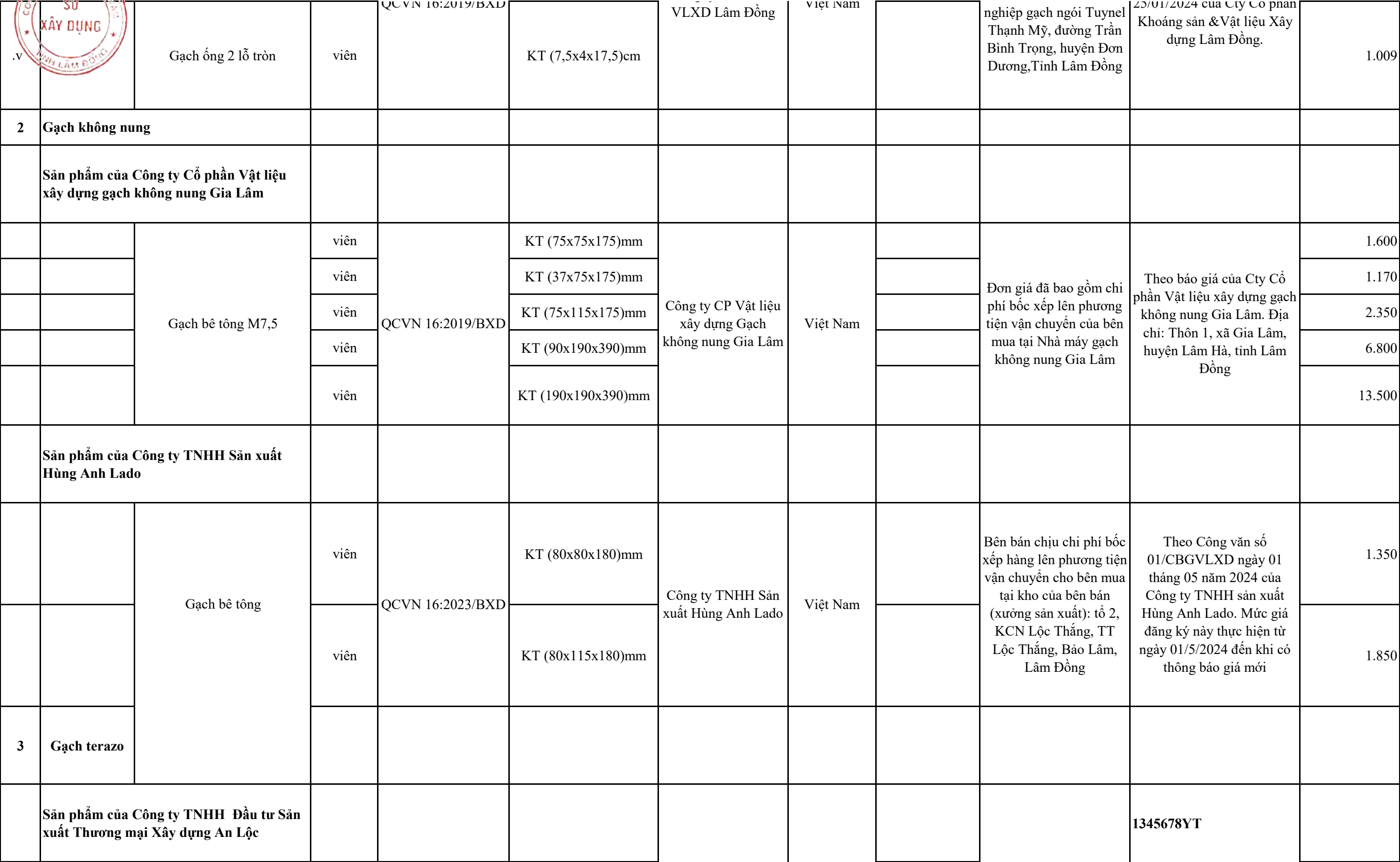
PHỤ LỤC 02

GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG TRONG TỈNH CUNG CẤP THÁNG 6/2024

(Kèm theo Văn bản số: /CBG-SXD ngày tháng năm 2024 của Sở Xây dựng Lâm Đồng)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
I	GẠCH XÂY										
1	Gạch tuy nen										
1.1	Gạch Tuynel Hiệp Thành										
		Gạch 6 lỗ	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7,5x11x24)cm	Công ty TNHH Gạch Hiệp Thành	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Nhà máy Gạch Hiệp Thành: 14 Hiệp Thành, xã Tam Bồ, huyện Di Linh, Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần Khoáng sản & Vật liệu Xây dựng Lâm Đồng.	2.386
		Gạch góc 21 lỗ	viên		KT (7,5x11x24)cm						3.432
		Gạch 6 lỗ A	viên		KT (5x11x17,5)cm						1.636
		Gạch 6 lỗ B	viên		KT (7,5x11x17,5)cm						1.391
		Gạch 6 lỗ MA	viên		KT (7x 10x17)cm						1.474
		Gạch 4 lỗ A	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						1.145
		Gạch 4 lỗ B	viên		KT (7,5x 7,5 x17,5)cm						973
		Gạch thê 2 lỗ tròn	viên		KT (7,5x4x17,5)cm						925
	Gạch Tuynel Thạnh Mỹ										
		Gạch ống 6 lỗ tròn	viên	QCVN 16:2019/BXD	KT (7x 10x17)cm	Công ty CP KS và			Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại kho bên bán: Xí	Theo Công văn số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Cty Cổ phần	1.409

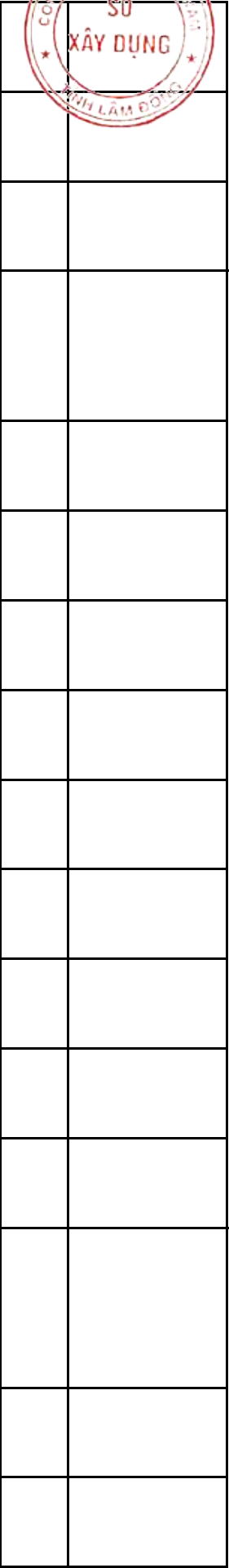


		Gạch Terazo	m2	TCVN 7744:2013	KT (300x300x30)mm	Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Xây dựng An Lộc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại Chi nhánh- Thôn 1 xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà.Tỉnh Lâm Đồng	Theo Công văn số 1412/AL ngày 14/12/2023 của Chi nhánh Công ty TNHH SX TM XD An Lộc (Địa điểm sản xuất: Thôn 1, xã Gia Lâm, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0943788788).	86.000
		Gạch Terazo	m2		KT (400x400x30)mm						
4	Gạch terazo, gạch block										
	Sản phẩm của Công ty cổ phần DCN Sài Gòn										
4.1	GẠCH TERRAZZO SÂN, ĐƯỜNG, VỈA HÈ..(CÔNG NGHỆ RUNG ĐỊNH HÌNH + ÉP TĨNH THỦY LỰC)					Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam				
		Gạch Terrazzo đá mài dày 3cm (các màu: nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh...)	m2	QCVN 16:2019/BXD	(400x400x30)				Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt. Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	76.000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		85.000
									Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		90.000
									Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		95.000
									Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		95.000
									-Giá đã bao gồm phí vận chyeen+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mức		





								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		95.000
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		85.000
								Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		95.000
								Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		100.000
		Gạch Terrazzo đá mài dày 3cm (các màu: nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh...)	m2	QCVN 16:2019/BXD	(400x400x30)			Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		105.000
4.2	GẠCH CORIC MÀU, BÓNG, MÁC CAO (CÔNG NGHỆ RUNG UỐT TRONG KHUÔN NHỰA)									
		Gạch Coric bóng, mác 250 (các màu: nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh...)	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dày 3cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		135.000
								Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		150.000
								Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		170.000
								Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		175.000
								Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		180.000
								Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		180.000
								Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		165.000
								-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng		



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



								Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	205.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	210.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông	210.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	195.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Di Linh	210.000
								Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	215.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	220.000
								Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	180.000
								Gía tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	195.000
								Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt	215.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	220.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	225.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông	225.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	210.000
								Gía bán tại trung tâm huyện Di Linh	225.000
								Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	230.000



		Gạch Coric bóng, mác 200, dày 6cm, màu: Nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh ...	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dày 6cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	235.000
		Gạch Coric bóng, mác 200, dày 8cm, màu: Nâu, đỏ, xám, đen, vàng, xanh ...	m2	QCVN 16:2019/BXD	Dày 8cm (Quy cách theo yêu cầu)	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyễn+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	210.000
									Gía tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	225.000
									Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt	245.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	250.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	255.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông	255.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	240.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Di Linh	255.000
									Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	260.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	270.000
		Gạch bê tông Coric số 8. bóng, khuôn nhựa mác 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	18.000
									Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	20.000
		Gạch bê tông Coric số 8. bóng, khuôn nhựa mác 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt	23.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	24.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	25.000

Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886



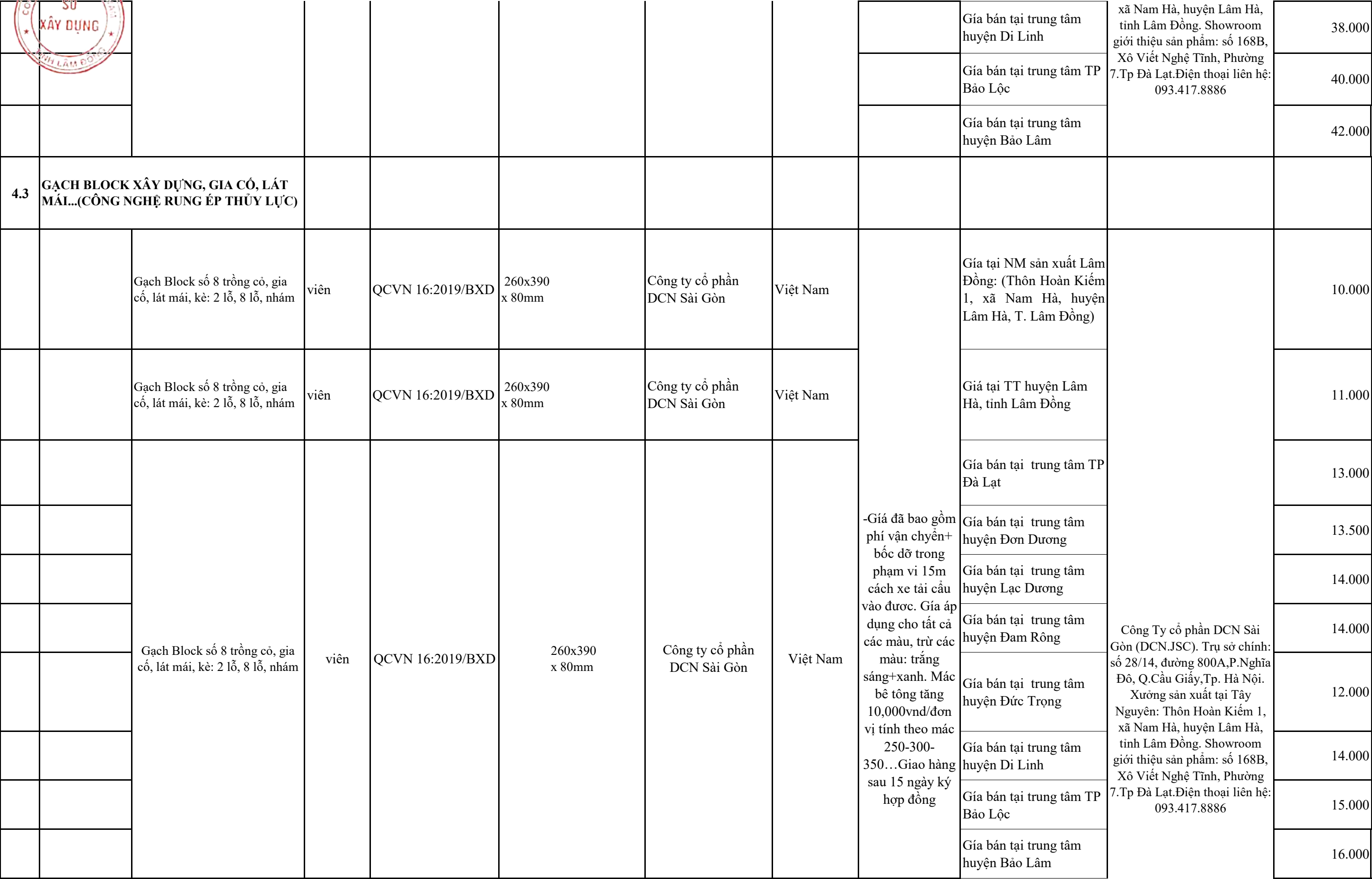
		Gạch bê tông Coric số 8. bóng, khuôn nhựa mác 200, dày 8cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam		Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông	25.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	22.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Di Linh	25.000
									Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	26.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	27.000
		Gạch bê tông vân gỗ, vân sỏi, bọt nước mác 250, dày 4cm	viên	QCVN 16:2019/BXD	260 x 390 x 80mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyễn+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	30.000
									Gía tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	32.000
									Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt	34.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	35.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	36.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông	36.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	33.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Di Linh	36.000
									Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	37.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	38.000
		Gạch bê tông vân gỗ, vân sỏi, bọt nước mác 250, dày 4cm	viên		260 x 390 x 80mm				Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	65.000

Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội.
Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886



		Gạch vân gỗ ốp, lát, bậc bước cầu thang, đường... M300, dày 4cm, gia cố sợi Cacbon Fiber	viên	QCVN 16:2019/BXD	250 x 900 x 40 mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn
		Gạch bê tông lát mái kê, dày 5cm, M200(chưa tính râu thép liên kết góc)	viên	QCVN 16:2019/BXD	400 x 400 x 50mm	
		Gạch bê tông lát mái kê, dày 5cm, M200(chưa tính râu thép liên kết góc)		QCVN 16:2019/BXD	400 x 400 x 50mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn

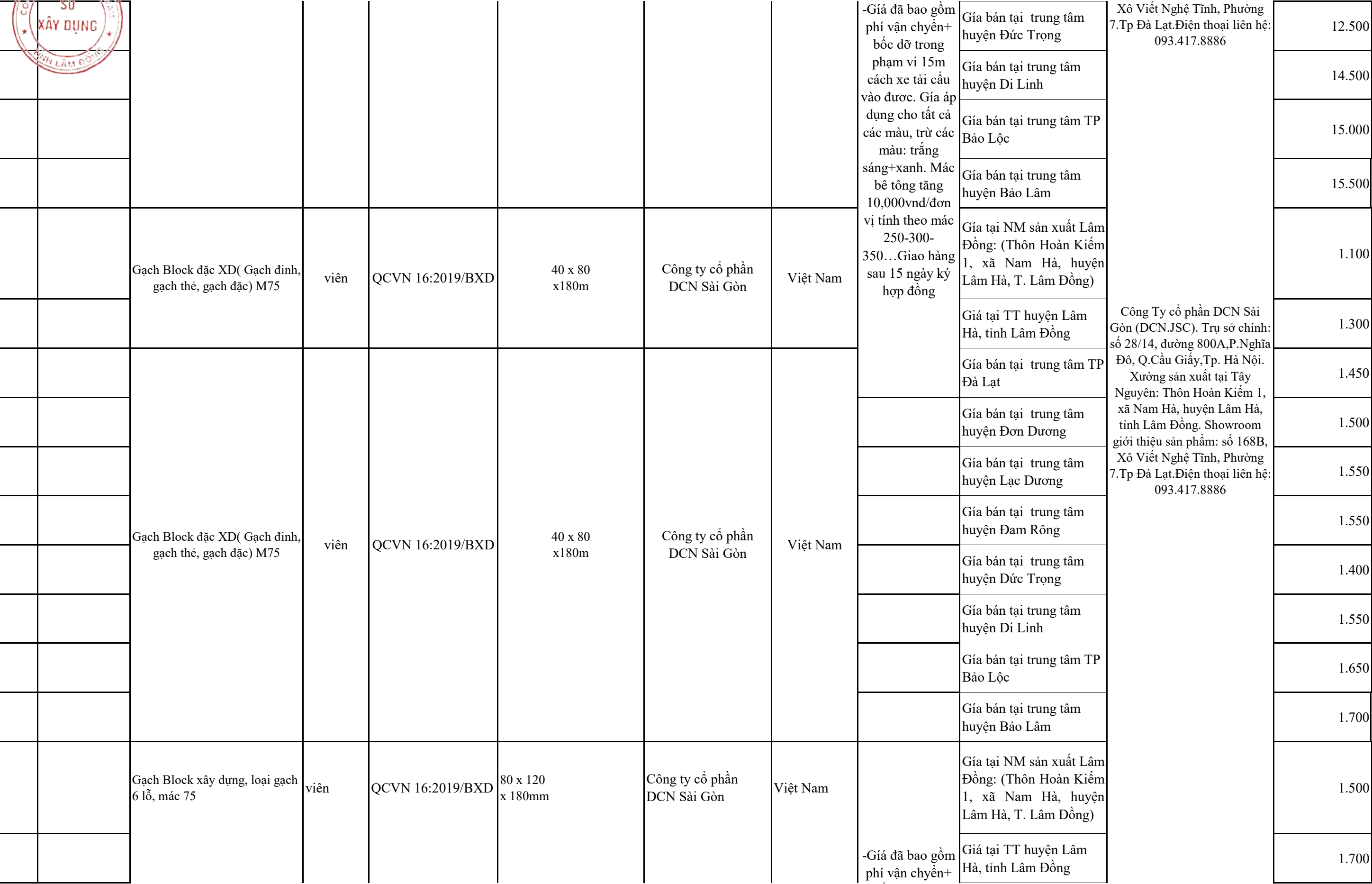
-Giá đã bao gồm phí vận chuyễn+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300-350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886	70.000
	Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		75.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		79.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		80.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		80.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		73.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Di Linh		80.000
	Giá bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		85.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		90.000
	Giá tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1,	30.000
	Giá tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		32.000
	Giá bán tại trung tâm TP Đà Lạt		35.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		37.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		38.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Đam Rông		38.000
	Giá bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		33.000





		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mác 75(dày 9cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	90 x 190 x390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	-Giá đã bao gồm phí vận chuyể+ bốc dỡ trong phạm vi 15m cách xe tải cầu vào được. Giá áp dụng cho tất cả các màu, trừ các màu: trắng sáng+xanh. Mác bê tông tăng 10,000vnd/đơn vị tính theo mác 250-300- 350...Giao hàng sau 15 ngày ký hợp đồng	Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		4.800
									Gía tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		5.500
									Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt		6.800
									Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		7.100
									Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		7.200
									Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông		7.200
									Gía bán tại trung tâm huyện Đức Trọng		6.500
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mác 75(dày 9cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	90 x 190 x390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Gía bán tại trung tâm huyện Di Linh		7.200
									Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc		7.500
									Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm		7.700
		Gạch Block xây tường, loại 2, 3 vách ngăn, mác 75(dày 19cm)	viên	QCVN 16:2019/BXD	190 x 190 x 390mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam		Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)		9.500
									Gía tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng		11.000
									Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt		13.500
									Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương		14.000
									Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương		14.500
									Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông		14.500

Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội.
Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B,





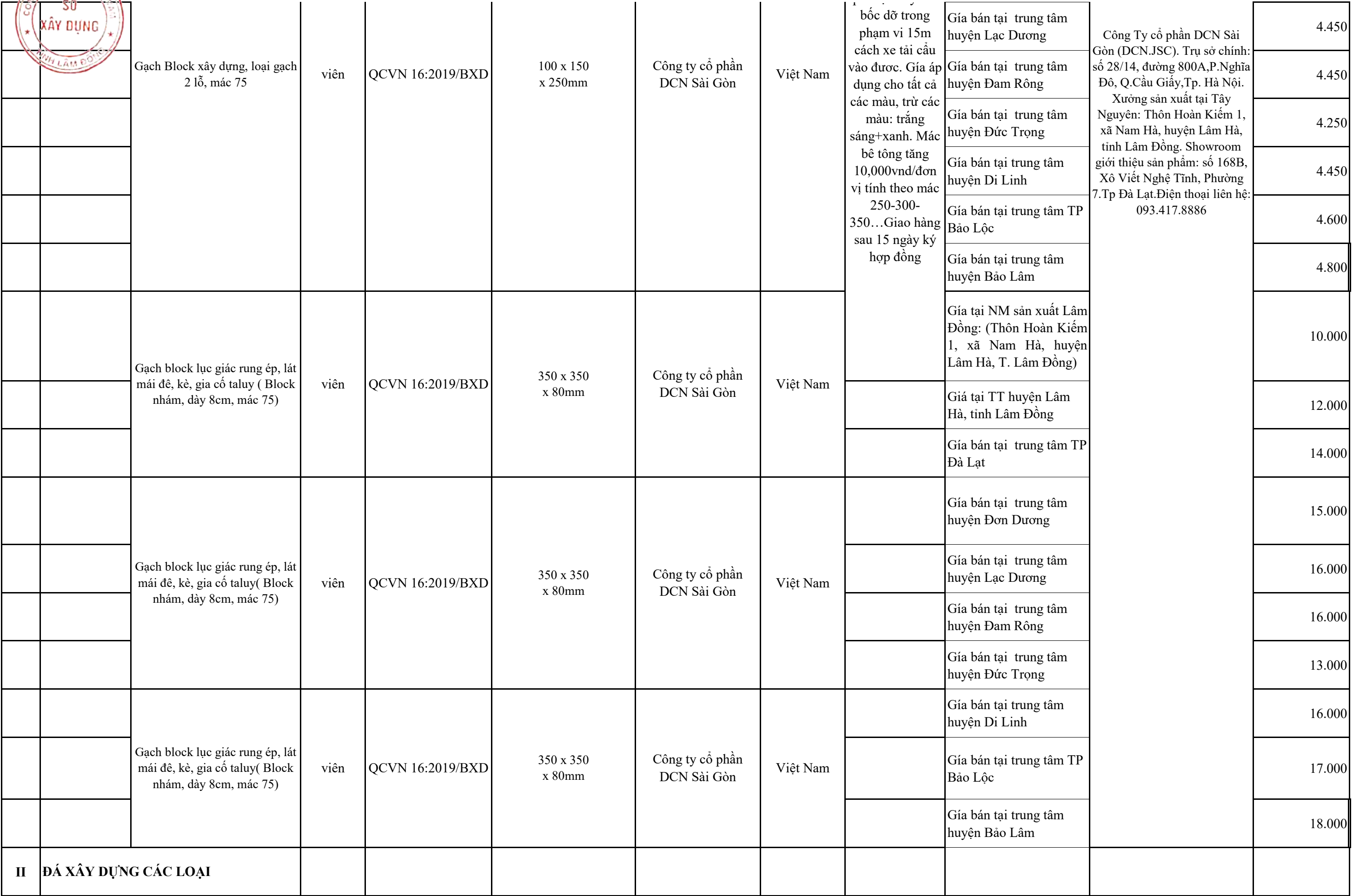
																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								</
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	----

Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội.
Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886



								Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	2.550
								Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	2.650
		Gạch Block xây dựng, loại gạch 4 lỗ, mác 75	viên	QCVN 16:2019/BXD	80 x 80x 180mm	Công ty cổ phần DCN Sài Gòn	Việt Nam	Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)	1.350
								Gía tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng	1.500
								Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt	1.650
								Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	1.700
								Gía bán tại trung tâm huyện Lạc Dương	1.750
								Gía bán tại trung tâm huyện Đam Rông	1.750
								Gía bán tại trung tâm huyện Đức Trọng	1.600
								Gía bán tại trung tâm huyện Di Linh	1.750
								Gía bán tại trung tâm TP Bảo Lộc	1.850
								Gía bán tại trung tâm huyện Bảo Lâm	1.900
					Gía tại NM sản xuất Lâm Đồng: (Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, T. Lâm Đồng)			3.100	
					Gía tại TT huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng			3.500	
		Gía bán tại trung tâm TP Đà Lạt	4.350						
		Gía bán tại trung tâm huyện Đơn Dương	4.400						
-Giá đã bao gồm phí vận chuyển+									

Công Ty cổ phần DCN Sài Gòn (DCN.JSC). Trụ sở chính: số 28/14, đường 800A,P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy,Tp. Hà Nội. Xưởng sản xuất tại Tây Nguyên: Thôn Hoàn Kiếm 1, xã Nam Hà, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Showroom giới thiệu sản phẩm: số 168B, Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 7.Tp Đà Lạt.Điện thoại liên hệ: 093.417.8886





1	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng									
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Tín Thái	Việt Nam	Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ đá thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Tín Thái. Địa chỉ: Mỏ đá thôn Gắn Reo, xã Liên Hiệp, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, ĐT: 0913 934 305	336.364
		Đá 0x4	m ³		(0x4)					281.818
		Đá 2x4	m ³		(2x4)					318.182
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)					281.818
		Đá 0x2,5	m ³		(0x2,5)					309.091
		Đá 0,5 x1cm	m ³		(0,5 x1)					254.545
		Đá 4x6	m ³		(4x6)					281.818
		Đá 5x7	m ³		(5x7)					281.818
		Đá mi	m ³		Đá mi					236.364
		Đá loca	m ³		Đá loca					254.545
2	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm.									
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài	Việt Nam			327.273
		Đá 0x4	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(0x4)	Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài		Giá tại mỏ được xúc lên xe cho bên mua tại địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng (cách ngã ba Tân Lâm 2km, cách UBND Huyện Di Linh 22km, UBND Huyện Bảo Lâm 20km)	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Bảy Tài. Địa chỉ: Thôn 13, Xã Lộc Ngãi, Huyện Bảo Lâm, Tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại: 0979404805, liên hệ: Anh Duy.	236.364
		Đá 4x6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(4x6)					272.727
4	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng									
		Đá 1x1,5 (cm)	m ³		(1x1,5) cm					390.909
		Đá 1x1,8 (cm)	m ³		(1x1,8) cm					390.909
		Đá 1x1,9 (cm)	m ³		(1x1,9) cm					390.909



		Đá 1x2 (cm)	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2) cm	Công ty TNHH Dương Phát	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ thôn Đoàn Kết, xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 03/01/2024 của Công ty TNHH Dương Phát (Đ/c: 06B Nguyễn Đình Quân, P5, tp. Đà Lạt, Lâm Đồng.	363.636
		Đá 2x4 (cm)	m ³		(2x4) cm						345.455
		Đá 0x2,5 (cm)	m ³		(0x2,5) cm						336.364
		Đá 0x4 (cm)	m ³		(0x4) cm						309.091
		Đá 0x6 (cm)	m ³		(0x6) cm						309.091
		Đá mi sàng (0,5x1)	m ³		(0,5x1)						281.818
		Đá mi bụi	m ³		Đá mi bụi						263.636
		Đá Loka	m ³		Đá Loka						281.818
5	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã N'Thôn Hạ, huyện Đức Trọng										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Quốc Định	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại xã N'Thôn Hạ, Huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Quốc Định (Đ/c:hi: số 515, QL20, KP 4, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Lâm Đồng).	318.182
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						263.636
		Đá 0x37,5	m ³		(0x37,5)						254.545
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						290.909
		Đá Local	m ³		Đá Local						245.455
6	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc										
	Đá xây dựng thông thường					Công ty Cổ phần Tân Anh Tú	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Theo báo giá số 01/BGNP ngày 01/11/2023 của Công ty Cổ phần Tân Anh Tú. Địa chỉ kho: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại liên hệ: 0913.766.672.	
		Đá dăm 1x1,6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,6)						345.455
		Đá dăm 1x1,9	m ³		(1x1,9)						345.455
		Đá dăm 1x2	m ³		(1x2)						327.273
		Đá dăm 2x4	m ³		(2x4)						272.727
		Đá dăm 4x6 và 5x7	m ³		(4x6) và (5x7)						236.364



		Đá dăm Dmax 25	m ³	QCVN 16:2019/BXD	Dmax 25	Công ty Cổ phần Tân Anh Tú	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đá Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Theo báo giá số 01/BGNP ngày 01/11/2023 của Công ty Cổ phần Tân Anh Tú. Địa chỉ kho: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Điện thoại liên hệ: 0913.766.672.	254.545
		Đá dăm Dmax 35	m ³		Dmax 35						245.455
		Đá dăm Dmax 37,5	m ³		Dmax 37,5						236.364
		Đá dăm 0x4	m ³		(0x4)						227.273
		Đá mi sàng	m ³		Đá mi sàng						254.545
		Đá mi xô	m ³		Đá mi xô						209.091
	Đá qua côn ly tâm										
		Đá dăm 1x1,6	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x1,6)						390.909
		Đá dăm 1x1,9	m ³		(1x1,9)						390.909
		Đá dăm 10x22	m ³		(10x22)						372.727
		Đá mi sàng	m ³		Đá mi sàng						309.091
7	Sản phẩm đá xây dựng tại Thôn 5, xã Đại Lào, thành phố Bảo Lộc										
		Đá dăm 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá chưa bao gồm thuế GTGT và chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển của khách hàng tại mỏ đáThôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng	Theo báo giá số 11/TB-DN ngày 01/11/2023 của Công ty TNHH Xây dựng Công nghiệp Lâm Đồng.Địa chỉ: Thôn 5, Xã Đại Lào, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. ĐT: 036232,242,114.	318.182
		Đá dăm 2x4	m ³	nt	(2x4)						254.545
		Đá dăm cấp phối 0,1x4	m ³	nt	(0,1x4)						218.182
		Đá dăm cấp phối 0,1x2,5	m ³	nt	(0,1x2,5)						240.909
		Đá dăm 4x7	m ³	nt	(4x7)						227.272
		Đá loca	m ³	nt	Đá loca						200.000
8	Sản phẩm đá xây dựng tại mỏ đá xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông.										
		Đá 1x2	m ³	QCVN 16:2019/BXD	(1x2)	Công ty TNHH Ngọc Bình	Việt Nam		Đơn giá trên đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: Thôn 2, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	Theo bảng đơn giá các loại sản phẩm ngày 01/3/2024 của Công ty TNHH Ngọc Bình (Đ/c: Thôn 2, xã Liêng Srônh, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng), ĐT: 0585.809.999.	409.091
		Đá 0x4	m ³		(0x4)						354.545
		Đá 0x25	m ³		(0x25)						372.727
		Đá 4x6	m ³		(4x6)						300.000



Sản phẩm đã xây dựng tại mỏ đá thôn 3, xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, Lâm Đồng												
		Đá 0x2,5 (cm)	m ³	TCVN 8859:2023	(0 - 2,5) cm	Công ty TNHH khai thác xây dựng Lộc Đại Phát	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên phương tiện vận chuyển của bên mua tại mỏ đá xã Gia Hiệp, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng		381.818	
		Đá 0x3,75 (cm)	m ³	TCVN 8859:2023	(0,5 - 3,75) cm							345.454
		Đá 1x2 (cm)	m ³	TCVN 7570:2006	(1 - 2) cm							409.090
		Đá 2x4 (cm)	m ³	TCVN 7570:2006	(2 - 4) cm							363.636
		Đá 5x7 (cm)	m3	TCVN 7570:2006	(5 - 7) cm							318.181
		Đá 0x4 (cm)	m3	TCVN 7570:2006	(0,5 - 4) cm							318.181
		Mi bột	m3	TCVN 7570:2006	(0 - 0,5) cm							318.181
		Mi sàng	m3	TCVN 7570:2006	(0,5 - 1) cm							318.181
III	CÁT XÂY DỰNG											
1	Sản phẩm cát tại mỏ khai thác sông Ea Krông nô, xã Đạ R'Sal, huyện Đam Rông											
		Cát xây	m3	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Tuấn Vượng 68	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại mỏ khai thác: sông Ea Krông Nô, xã Đạ R'Sal, huyện Đam Rông	Theo thông báo giá vật liệu xây dựng kèm Bảng đơn giá các loại sản phẩm, đơn giá áp dụng từ ngày 01/6/2024 đến hết ngày 30/6/2024 của Công ty TNHH Tuấn Vượng 68. Địa chỉ:số 72 QL 27, thôn Phi Có, xã Đạ R'Sal, Đam Rông, Lâm Đồng, ĐT 0943,256,999	245.000	
		Cát tô	m3	QCVN 16:2019/BXD								280.000
		Cát sỏi	m3	QCVN 16:2019/BXD								170.000
2	Sản phẩm cát khai thác tại lòng hồ Đạ Têh, xã Mỹ Đức.											
		Cát vàng dùng trong xây dựng	m ³	QCVN 16:2019/BXD		Công ty TNHH Phụng Hưng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện của khách hàng tại lòng hồ Đạ Têh xã Mỹ Đức, chưa bao gồm chi phí vận chuyển tới chân công trình	Theo bảng báo giá vật liệu ngày 04/6/2024 của Công ty TNHH Phụng Hưng. Địa chỉ: thôn 4, Xã Đạ Kho, huyện Đạ Têh, điện thoại: 02 633 800294	318.182	



IV. BÊ TÔNG NHỰA ĐƯỜNG											
1	Sản phẩm của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng										
1.1	Trạm trộn Tam Bồ - Di Linh					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam	Đơn giá tại mỏ đá Hùng Vương, thôn Hiệp Thành 2, xã Tam Bồ, Di Linh, Lâm Đồng. Đơn giá chưa bao gồm phí vận chuyển đến chân công trình	Theo bảng báo giá ngày 27/12/2023 của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng, Điện thoại: 0919.706.065.		
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin						1.565.000	
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin			1.610.000				
1.2	Trạm trộn Tân Hà - Lâm Hà					Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng	Việt Nam	Đơn giá tại mỏ đá Phúc Thọ, thôn Phúc Thọ, xã Tân Hà, Lâm Hà, Lâm Đồng. Đơn giá chưa gồm phí vận chuyển đến chân công trình	Theo bảng báo giá ngày 27/12/2023 của Công ty Cổ phần bê tông Đức Trọng, Điện thoại: 0919.706.065.		
		Bê tông nhựa nóng hạt trung C19	đồng/tấn	Không có thông tin						1.615.000	
		Bê tông nhựa nóng hạt mịn C12.5	đồng/tấn	Không có thông tin						1.660.000	
V	BÊ TÔNG THƯƠNG PHẨM										
	Sản phẩm của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng										
1.1	Khu vực Đà Lạt và Huyện Lạc Dương					Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam	Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn Cam Ly (đường Nguyễn Đình Quân-Phường 5-Tp Đà Lạt) đến công trình trong bán kính 10 km.	Theo công văn báo giá số 02/2024/CV-Cty ngày 25/01/2024 của Công ty CP Khoáng sản & Vật liệu xây dựng Lâm Đồng. Địa chỉ: 87 Phù Đồng Thiên Vương-Phường 8.Tp Đà Lạt.Điện thoại: 0918 012 778-02633 525 888.		
		Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)							1.463.636
		Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.509.091
		Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.554.545
		Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.600.000
		Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.654.545
		Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.745.455
		Bê tông M400-R28 đá 1x2 độ sụt: 16±2cm	đ/m ³								1.854.545



1.2 Khu vực Huyện và thành phố Bảo Lộc										
	Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam			Địa bàn áp dụng: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai	1.227.273
	Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.272.727
	Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm trộn Tây Đại Lào...) đến công trình trong bán kính 10km	Địa bàn áp dụng: Bảo Lộc, Bảo Lâm, Đạ Tẻh, Cát Tiên, Đạ Huoai	1.318.182
	Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.363.636
	Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³					1.427.273			
	Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m3					1.540.909			
1.3	Khu vực huyện Đức Trọng, Di Linh, N' Thôn Hạ									
	Bê tông M100-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³	TCVN 3118:1993 (Mẫu đúc lập phương 15x15x15 cm)		Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển bê tông từ trạm trộn gần nhất (Trạm Hiệp An, Trạm N'Thol Hạ, Trạm Tam Bồ...) đến công trình trong bán kính 10km	'Địa bàn áp dụng: Đức Trọng, Đơn Dương, Đam Rông, Di Linh, Lâm Hà	1.227.273
	Bê tông M150-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.272.727
	Bê tông M200-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.318.182
	Bê tông M250-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³			Công ty CP Khoáng sản & VLXD Lâm Đồng	Việt Nam				1.363.636
	Bê tông M300-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m ³								1.427.273
	Bê tông M350-R28 đá 1x2 độ sụt: 10±2cm	đ/m3								1.540.909
VI	CÁU KIẾN BÊ TÔNG ĐÚC SẴN									
1	Sản phẩm của Công ty TNHH Hưng Nguyên									
	Ống cống ly tâm									
	Ống cống Ø 800 dày 80mm-VH, L=3m		mét		Công ty TNHH Hưng	Việt Nam				1.440.000



		Ống cống Ø 800 dày 80mm-H10 , L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo bảng giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.	1.580.000
		Ống cống Ø 800 dày 80mm-H30 , L=3m	mét								1.690.000
		Ống cống Ø 1000 dày 90mm-VH , L=3m	mét								2.030.000
		Ống cống Ø 1000 dày 90mm-H10 , L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty TNHH Hưng Nguyên	Việt Nam		Giá bán tại mỏ đá Lạc Lâm, Đơn Dương đã bao gồm chi phí bốc lên phương tiện vận chuyển	Theo bảng giá vật liệu ngày 28/12/2023 của Công ty TNHH Hưng Nguyên, địa chỉ: 86 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 9, Tp Đà Lạt, điện thoại: 02633.824.063.	2.170.000
		Ống cống Ø 1000 dày 90mm-H30 , L=3m	mét								2.280.000
		Ống cống Ø 1200 dày 120mm-VH, L=3m	mét	TCVN 9113:2012							2.910.000
		Ống cống Ø 1200 dày 120mm-H10, L=3m	mét								3.190.000
		Ống cống Ø 1200 dày 120mm-H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012							3.400.000
		Ống cống Ø 1500 dày 130mm-VH L=2,5m	mét								4.300.000
		Ống cống Ø 1500 dày 130mm-H10 , L=2,5m	mét								4.650.000
		Ống cống Ø 1500 dày 130mm-H30 , L=2,5m	mét								4.850.000
2	Sản phẩm của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương								Đơn giá tại xưởng SX1: Đức Trọng, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xưởng sản xuất 2:CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện	
		Cống rung ép									
		Ống cống BT rung ép Ø400 - VH, L=2,6m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam				413.000
		Ống cống BT rung ép Ø400 - H10, L=2,6m	mét								425.000
		Ống cống BT rung ép Ø400 - H30, L=2,6m	mét								435.000
		Ống cống BT rung ép Ø600 VH, L=3m	mét								630.000



		Ống cống BT rung ép Ø600 - H10, L=3m	mét							Độc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994,995 hoặc 0903 195 165.	655.000
		Ống cống BT rung ép Ø600 - H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam		Đơn giá tại xưởng SX1: Đức Trọng, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xưởng sản xuất 2:CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994,995 hoặc 0903 195 165.	700.000
		Ống cống BT rung ép Ø800 - VH, L=3m	mét								980.000
		Ống cống BT rung ép Ø800 - H10, L=3m	mét								1.040.000
		Ống cống BT rung ép Ø800 - H30, L=3m	mét								1.080.000
		Ống cống BT rung ép Ø1000 - VH, L=3m	mét								1.465.000
		Ống cống BT rung ép Ø1000 - H10, L=3m	mét								1.565.000
		Ống cống BT rung ép Ø1000 - H30, L=3m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam				1.595.000
		Ống cống BT rung ép Ø1200 - VH, L=2m	mét								2.310.000
		Ống cống BT rung ép Ø1200 - H10, L=2m	mét								2.435.000
		Ống cống BT rung ép Ø1200 - H30, L=2m	mét								2.490.000
		Ống cống BT rung ép Ø1500 - VH, L=2m	mét								3.010.000
		Ống cống BT rung ép Ø1500 - H10, L=2m	mét								3.380.000
		Ống cống BT rung ép Ø1500 - H30, L=2m	mét								3.430.000
		Cống ly tâm									
		Ống cống BT ly tâm Ø600 - H10, L=4m	mét	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam				700.000
		Ống cống BT ly tâm Ø600 - H30, L=4m	mét								750.000

		Ống cống BT ly tâm Ø800 - H10, L=4m	mét	TCVN 9113:2012						Đơn giá tại xưởng SX2: Thành phố Bảo Lộc, Lâm Đồng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)		1.140.000
		Ống cống BT ly tâm Ø800 - H30, L=4m	mét			Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam					1.170.000
		Ống cống BT ly tâm Ø1000 - H10, L=4m	mét									1.610.000
		Ống cống BT ly tâm Ø1000 - H30, L=4m	mét									1.650.000
		Gối cống và Joint cao su										
		Gối cống D400	Cái	TCVN 9113:2012		Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương	Việt Nam			Đơn giá tại xưởng (chưa bao gồm vận chuyển, chi phí cầu lên xe)	Theo công văn số 270224/SXD-KTXD ngày 27/02/2024 của Công ty Cổ phần cầu kiện Bê tông Quốc Vương, địa chỉ: số 517 Hùng Vương, Thị trấn Đình Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Xưởng sản xuất 1: Thôn Phú Bình, xã Phú Hội, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; Xưởng sản xuất 2: CN11 Khu công nghiệp Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng, điện thoại: 02633.994,995 hoặc 0903 195 165.	140.000
		Gối cống D600	Cái									200.000
		Gối cống D800	Cái									262.000
		Gối cống D1000	Cái									370.000
		Gối cống D1200	Cái									500.000
		Gối cống D1500	Cái									615.000
		Joint cống D400	Sợi									45.000
		Joint cống D600	Sợi									60.000
		Joint cống D800	Sợi									70.000
		Joint cống D1000	Sợi									90.000
		Joint cống D1200	Sợi									130.000
		Joint cống D1500	Sợi									135.000



PHỤ LỤC 03
GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SXKD VÀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CỦA NHÀ SXKD NGOÀI TỈNH CUNG CẤP THÁNG 6 NĂM 2024
(Kèm theo văn bản số 1305 /CBG-SXD ngày 07 tháng 6 năm 2024 của Sở Xây dựng)

Đơn vị tính: Đồng											
STT	Nhóm vật liệu*	Tên vật liệu, loại vật liệu*	Đơn vị*	Tiêu chuẩn kỹ thuật*	Quy cách	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Điều kiện thương mại	Vận chuyển*	Ghi chú	Giá bán (chưa gồm thuế giá trị gia tăng)*
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]
I	XI MĂNG										
1		Sản phẩm của Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long									
		XM Thăng Long nhãn hiệu Rồng Đỏ	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long	Việt Nam		Giá bán lẻ tại các địa phương trong tỉnh Lâm Đồng	Báo giá số 44/CV/2023/CN-BHMN/CN-BHMN ngày 15/12/2023 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long (KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè.Tp HCM. ĐT: (08) 3780 0912).Thời gian đăng ký: Quý I, II/2024 (từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2024)	86.364
2		Cty TNHH MTV Xi măng Hạ Long									
		Xi măng Vicem Hạ Long PCB40 (Dạng bao)	Tấn	QCVN 16:2019/ BXD và TCVN 6260:2020 dành cho PCB50					Giá giao tại nhà máy xi măng Vicem Hạ Long (Lô C25, KCN Hiệp Phước, Nhà Bè, TP.HCM). Chưa bao gồm chi phí vận chuyển và các chi phí khác.	Báo giá số 2493/TB-VCHL-KDTT ngày 25/12/2023 của Công ty TNHH MTV Xi măng Hạ Long (11Bis Nguyễn Gia Thiều P.6,Q.3.Tp HCM. Điện thoại: (028) 39301656.Di động: 0938.582.648). Mức kê khai thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	1.218.182
		Xi măng Vicem Hạ Long PCB50 (Dạng rời)	Tấn								1.172.727
3		Công ty Cổ phần Phát triển Sài Gòn									
		XM Poóc lăng hỗn hợp PCB40	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam				78.000
		XM Poóc lăng hỗn hợp bền sun phát PCB40+MS	Bao		50kg/bao						80.000
		XM Poóc lăng hỗn hợp PCB50	Bao		50kg/bao			Đơn giá bao gồm chương trình chiết khấu đạt sản lượng với mức tiêu thụ từ	Đơn giá đã bao gồm chi phí bốc xếp lên	Bảng niêm yết giá theo Công văn số 09/CV-SDC ngày 20/02/2024 của Công Ty CP Phát triển Sài Gòn (Tru sở	90.000

		XM Poóc lãg xi lò cao- PCbfs40 loại II	Bao	QCVN 16:2019 BXD	50kg/bao	Công Ty CP Phát triển Sài Gòn	Việt Nam	300 tấn đến 35.000 tấn tùy từng thời điểm và từng khách hàng (có thông báo rõ). Hoặc chương trình khuyến mãi xi măng tùy từng thời điểm để kích thích tiêu thụ được đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định	em ph 000 hợp và xuống phương tiện vận chuyển đến địa điểm giao hàng trong khu vực TP, số lượng tối thiểu để được vận chuyển 10-50 tấn/ chuyến.(Giá bán tại khu vực Lâm Đồng)	chính: 213/13 Nguyễn Gia Trí, P25, Quận Bình Thạnh, Tp Hồ Chí Minh.Địa chỉ nhà máy sản xuất: số 65 đường 12, khu phố Long Sơn.P.Long Bình, TP Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh, Liên hệ: Trần Tấn Phát:0909011628). Mức đăng ký giá thực hiện từ ngày 02/01/2024 đến khi có thông báo mới.	80.000
		XM Poóc lãg bền sun phát PCbsr50 (type V)	Bao		50kg/bao						100.000
		Xi măng Xây Trát-MC 25	Bao		50kg/bao						74.000
4		Công ty Cổ phần Xi măng Đình Cao									
		Xi măng Tophome PCB40	Bao	QCVN 16:2023/ BXD & TCVN 6260:2009	50kg/bao	Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Đình Cao	Việt Nam	Đơn giá bao gồm chương trình chiết khấu đạt sản lượng tùy từng thời điểm (có thông báo rõ) hoặc chương trình khuyến mãi từng thời điểm để kích thích tiêu thụ	Giá bán lẻ tại các địa phương trong tỉnh Lâm Đồng	Bảng niêm yết giá theo Công văn số 79/TBG/LD ngày 10/05/2024 của Công ty Côt phần Xi măng Đình Cao 36A, Phan Đăng Lưu, P5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Liên hệ: Huỳnh Minh Tiền - 0981.679.814. Mức đăng ký thực hiện từ ngày 01/6/2024 đến khi có thông báo mới	85.000
II	GẠCH , ĐÁ ÓP LÁT										
1		Sản phẩm của Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME									
		GẠCH LÁT NỀN CÁC LOẠI									
		Gạch Ceramic, nhóm BIIb									
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 25x25cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME	Việt Nam			Công Ty TNHH MTV Thương Mại và XNK PRIME. Địa chỉ: Khu Công nghiệp Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên.Tỉnh Vĩnh Phúc. Điện thoại liên hệ: VP đại diện miền Nam: Phạm Thu Hiền-0983 199 083. Văn bản số 129/2024/VPĐD ngày 02/01/2024 v/v đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa gạch ốp lát định kỳ tại Sở Xây dựng kèm theo Bảng Niêm yết giá áp dụng từ ngày	99.510
		Gạch ceramic mài cạnh, hiệu ứng bề mặt	m ²		KT: 30x30cm						252.520
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 30x30cm						101.650
		Gạch Porcelain , nhóm BIIb									
		Gạch porcelain giả gỗ, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x60cm						202.230
		Gạch porcelain không mài cạnh	m ²		KT: 10x30cm						263.220
		Gạch bán sứ mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						160.500
		Gạch Porcelain , nhóm BIIa									
		Gạch porcelain men bóng,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						242.890

		Gạch porcelain cao cấp men mờ,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 60x60cm	PRIME				02/01/2024 đến 31/12/2024 của Cty.Đại lý phân phối: Công ty TNHH Tâm Thanh Sơn.Địa chỉ: số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4.Thành phố Đà Lạt.Tỉnh Lâm Đồng.Điện thoại: 0908 950589	273.920
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x90cm						374.500
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 30x90cm						374.500
		Gạch porcelain men mờ,mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x60cm						304.950
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x90cm						385.200
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²		KT: 15x80cm						315.650
		Gạch porcelain giả gỗ, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 15x60cm						294.250
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 60x120cm						620.600
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x120cm						952.300
		Gạch porcelain bóng/ mờ,mài cạnh	m ²		KT: 80x80cm						349.890
		Gạch Ceramic xương trắng, nhóm BIII									
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 30x45cm						133.750
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 40x80cm						273.920
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²		KT: 30x30cm						199.020
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 25x40cm						99.510
		Gạch ceramic xương trắng, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm						194.740
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIB									
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 40x40cm						98.440
		Gạch ceramic men bóng,không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 20x40cm						156.220
		Gạch ceramic men bóng, khuôn dị hình,không mài cạnh	m ²		KT: 20x40cm						211.860
		Gạch Ceramic mài cạnh, nhóm BIIa									
		Gạch ceramic mài cạnh kỹ thuật số	m ²		KT: 50x50cm						123.050
		Gạch ceramic mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 50x50cm						112.350
		Gạch ceramic xương đỏ,mài cạnh	m ²		KT: 60x60cm						141.240
		Gạch ceramic in KTS,mài cạnh	m ²		KT: 40x40cm						109.140
		Gạch Ceramic không mài cạnh, nhóm BIIa									
		Gạch ceramic sân vườn, không mài cạnh	m ²	QCVN 16:2019/BXD;TCVN 7745:2007	KT: 40x40cm						114.490
		Gạch ceramic không mài cạnh	m ²		KT: 50x50cm						104.860

		Gạch Ceramic xương đỏ mài cạnh, nhóm BIII								
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x45cm					124.120
		Gạch ceramic xương đỏ, mài cạnh	m ²		KT: 30x60cm					145.520
2		Sản phẩm của Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm								
		Gạch Ceramic Đồng Tâm	m2	QCVN 16:2019/BXD TCVN 13113:2020 BS EN 14411:2016	30x30 cm	Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm	Việt Nam	Đơn giá bao gồm vận chuyển đến chân công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		177.300
		Gạch Granite/Porcelain men mờ chống trượt Đồng Tâm	m2		30x30 cm					210.000
		Gạch Ceramic Đồng Tâm	m2		40x40cm					157.407
		Gạch Granite/Porcelain men mờ Đồng Tâm	m2		40x40cm					216.000
		Gạch Granite/Porcelain men mờ chống trượt Đồng Tâm	m2		40x40cm					224.000
		Gạch Granite/Porcelain men mờ Đồng Tâm	m2		60x60 cm					233.300
		Gạch Granite/Porcelain bóng kính Đồng Tâm	m2		60x60 cm					244.400
		Gạch Granite/Porcelain bóng kính 2 da Đồng Tâm	m2		60x60 cm					288.900
		Gạch Granite/Porcelain men mờ đồng chất Đồng Tâm	m2		60x60 cm					368.000
		Gạch Granite/Porcelain men mờ dĐồng Tâm	m2		80x80 cm					314.100
		Gạch Granite/Porcelain bóng kính Đồng Tâm	m2		80x80 cm					344.500
		Gạch Granite/Porcelain bóng kính 2 da Đồng Tâm	m2		80x80 cm					359.400
III	NHÓM SƠN. BỘT TRÉT TƯỜNG									
1		Sản phẩm của Công ty TNHH KOVA NANOPRO								
		Sơn nội thất								
		Sơn lót nội thất kháng kiềm KOVA K-108	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)	Công ty TNHH Kova Nanopro	Việt Nam	Giá áp dụng cho tất cả huyện, thành phố trực thuộc tỉnh Lâm Đồng		1.285.364
		Sơn nội thất cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)					1.411.000
		Sơn nội thất KOVA Lovely	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)					1.161.000
		SỐn nội thất cao cấp KOVA SG-168	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(25kg)					1.695.273
		Sơn ngoại thất								

		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208	Thùng	TCVN 8652:2020	(18 lít)				Đong, đã bao gồm chi phí vận chuyển.	đăng ký này thực hiện từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/6/2024.	2.662.818
		Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-118	Thùng	TCVN 8652:2020	(25kg)						2.035.273
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						4.117.000
		Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA	Thùng	TCVN 8652:2020 QCVN 16:2019/BXD	(20kg)						2.279.636
		Bột trét									
		+ Nội thất									
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA MSG	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						330.091
		Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA	Bao	TCVN 7239:2014	(40kg)						308.000
3		Sản phẩm của Công ty CP L.Q JOTON									
		Sơn giao thông									
		Sơn giao thông lót- JOLINE Primer	Kg	TCVN 2102:2008	04kg/ lon 16kg/thùng						105.455
		Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPT25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						30.864
		Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang tiêu chuẩn TCVN (JFPV25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						32.585
		Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang (JZPT25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						24.300
		Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang (JZPV25)-JOLINE	Kg	TCVN 8791:2011	25kg/bao						25.650
		Sơn giao thông trắng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPT25)-JOLINE	Kg	AASHTO	25kg/bao						43.200
		Sơn giao thông vàng 30% hạt phản quang AASHTO (JAPV25)-JOLINE	Kg	AASHTO	25kg/bao						45.600
		Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen)-JOWAY	Kg	TCVN 8787:2011	05kg/lon 25kg/thùng						170.909
		Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng, đỏ)-JOWAY	Kg	TCVN 8787:2011	05kg/lon 25kg/thùng						212.727
		Sơn clear phản quang (1 bộ gồm Clear : 3,9Kg và Hạt phản quang: 1.1Kg)-JOWAY PLUS	Kg	TCVN 8791:2011	05kg/bộ						237.273
		Hạt phản quang- GLASS BEAD	Kg	BS 6088A	25kg/bao						28.182
		Jothiner Joway-TN400	Lit	TCVN 8787:2011	05lít/lon 01lít/lon						96.364

		Sơn Epoxy										
		Sơn lót Epoxy gốc dầu- JONES® EPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5551:2018	04kg/bộ 20kg/bộ	Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam				199.091	
		Sơn phủ Epoxy gốc dầu (trong nhà) - JONA® EPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5659:2021	04kg/bộ 20kg/bộ						463.636	
		Sơn lót Epoxy gốc nước- JONES® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	04kg/bộ 20kg/bộ						207.273	
		Matis gốc nước- JONES® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	20kg/bộ						82.727	
		Sơn phủ Epoxy gốc nước - JONA® WEPO	Kg	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2021	6,5kg/bộ 19,5kg/bộ						306.364	
		Sơn dân dụng dự án				Công ty CP L.Q JOTON	Việt Nam			Mức giá đã bao gồm phí giao hàng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bảng giá có giá trị từ ngày 01/3/2024 và sẽ có thay đổi khi có thông báo khác	Công ty CP L.Q JOTON. Địa chỉ: 188 Lê Văn Sỹ, Phường 10, Quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0823 8461970. Công văn số 11-04-24/BBG-SXD-DA ngày 01/04/2024	
		Sơn phủ ngoại thất (LOTUS)	Thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18lít/thùng							4.295.000
		Sơn lót ngoại thất (PROS dự án)	Thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18lít/thùng							2.130.273
		Bột trét (PASSION EXT)	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao							445.455
		Sơn phủ nội thất (PEACE)	Thùng	QCVN 16:2019/BXD JIS K5663:2003	18lít/thùng							2.084.000
		Sơn lót nội thất (PROSIN dự án)	Thùng	TCCS 06:2011/LQJT	18lít/thùng							1.332.636
		Bột trét (PASSION INT)	Bao	TCVN 7239:2014	40kg/bao							336.364
4		Sản phẩm của Công ty CP Lavis Brother Coating										
		Sơn phủ nội thất										
		Lavisson Amsterdam Sammy * Màng sơn mịn đẹp, chịu chùi rửa, bền màu.	THÙNG 17L	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 5 lít, 17 lít - Ngoại quan: Theo bảng màu có sẵn trong hệ thống pha màu của Lavisson (Dòng sản phẩm nội thất) - Hàm lượng rắn: 54.5 ± 4% khối lượng	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam				1.408.500	
		Sammy Eco Matt - SCI	Thùng 23KG	QCVN 16:2019/BXD	- Quy cách đóng gói: 23KG - Màu: theo bảng màu có sẵn trong hệ thống pha màu của Lavisson (Dòng sản phẩm nội thất) - Khối lượng: 56.5 ± 4%						765.000	
		Sơn phủ ngoại thất										

		Sammy Eco Tex	THÙNG 23KG	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 6 KG, 23 KG. - Ngoại quan: Theo bảng màu có sẵn trong hệ thống pha màu của Lavisson - Hàm lượng rắn: 54.15 ± 4 % khối lượng					bảng giá được thực hiện từ ngày 01/3/2024, theo công văn số 2003/2024/LCB ngày 20/3/2024 của Công ty	1.827.000
		Lavisson Amsterdam Tex Extra *Màng sơn mịn - độ phủ cao	THÙNG 17L	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Màu sắc: Theo bảng màu công ty LAVIS cung cấp - Tỷ trọng: 1.41 g/ml ± 0.1 - Hàm lượng rắn: 53 ± 4 % khối lượng - Quy cách đóng gói: 1 lít, 5 lít và 17 lít						1.984.500
		Sơn lót chống kiềm									
		Sammy Eco Sealer Sơn lót chống kiềm trong nhà	Thùng 23kg	TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 6kg, 23 kg - Ngoại quan: trắng - Hàm lượng rắn: 49.1 ± 4% khối lượng rắn	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam				1.809.000
		Lavisson Amsterdam Fix Sơn lót chống kiềm ngoài trời cao cấp	Thùng 17L	TCVN 8652:2012	- Quy cách đóng gói: 5 lít, 17 lít - Ngoại quan: Trắng - Hàm lượng rắn: 45 ± 4% khối lượng	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam				2.651.400
		Bột bả									
		Lavisson Amsterdam Exterior Putty - LA502	BAO 40KG	TCVN 7239:2014							360.000
		Lavisson Amsterdam Exterior Putty - LA503	BAO 40KG	TCVN 7239:2014	- Quy cách đóng gói: 40 Kg. - Ngoại quan: Màu trắng. - Hàm lượng rắn: 100 ± 2 % thể tích. *Theo tiêu chuẩn ISO 3233:1998(E) *Độ bám dính: ~ 23N/cm²						315.000
		Các loại khác									
		Lavisson Amsterdam CT11A Chất chống thấm gốc xi măng * Khả năng chống thấm tường, sàn hoàn hảo * Chống vi khuẩn nấm mốc	Thùng 17L	QCVN 16:2019/BXD	- Quy cách đóng gói: 1 lít, 5 lít, 17 lít - Màu: trắng - Hàm lượng: 48 ± 4%						2.778.300
		Cooling Shield - Sơn chống nóng cao cấp	Thùng 17L	QCVN 16:2019/BXD TCVN 8652:2012	- Bề mặt: Mờ - Màu sắc: Trắng - Tỷ trọng: 1.05 g/ml ± 0.1 - Hàm lượng rắn: 60 ± 1 % khối lượng - Quy cách đóng gói: 5 Lít và 17 Lít	Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin		2.970.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lăn - Màu xám	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2011	- Quy cách đóng gói: Bộ 20 kg (phần A: phần B = 15.8 kg: 4.2 kg).					Công ty Cổ phần Lavis Brothers Coating. Địa chỉ: 16AVSIP II-A, đường Hòa Bình, Khu Công nghiệp Việt Nam- Singapore II-A, phường Vĩnh Tân, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, Liên hệ: nhân viên phụ trách: Trần Thị Kiều Trinh, điện thoại: 0374556875 .Mức giá áp dụng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng, bảng giá được thực hiện từ ngày 01/3/2024, theo công văn số 2003/2024/LCB ngày 20/3/2024 của Công ty	7.785.000

		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lăn - Màu trắng	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2012	- Tỷ lệ pha trộn:						8.460.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lăn - Màu vàng	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2013	- Phần A : Phần B = 1 kg : 0.26 kg						8.460.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 3K hệ lăn - Màu đỏ	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Phần B : Phần A = 1 kg : 3.8 kg (theo khối lượng).						8.820.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Kháng khuẩn - Sơn phủ Epoxy 4K hệ lăn - Màu xanh	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Tỷ trọng: 1.2 - 1.3 g/ml (tùy theo màu sắc).						8.730.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lăn - Màu xanh	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014							8.235.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lăn - Màu xám	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Quy cách đóng gói: Bộ 20 kg (phần A: phần B = 15.8 kg: 4.2 kg).	Công ty CP Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin		7.290.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 2K hệ lăn - Màu vàng	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Tỷ lệ pha trộn: Phần A: Phần B=1kg :0.26kg (theo khối lượng)						7.920.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Tiêu chuẩn - Sơn phủ Epoxy 3K hệ lăn - Màu đỏ	Thùng 20kg	TCVN 9014: 2014	- Phần B : Phần A = 1 kg : 3.8 kg (theo khối lượng). Tỷ trọng: 1,2-1,3 g/ml (tùy theo màu sắc)						8.370.000
		Sơn lót Epoxy Solvent Free (Epoxy Primer - Solvent Free) - Màu trắng	Thùng 16kg	TCVN 9014: 2011	- Quy cách đóng gói - Bộ 16 kg (phần A: phần B = 11.75 kg : 4.25 kg).						4.320.000
		Sơn Epoxy hệ lăn - Gốc nước - Sơn lót Epoxy 2K - Màu trắng	Thùng 16kg	TCVN 9014: 2011	- Tỷ lệ pha trộn + Phần A: Phần B = 1 kg : 0.36 kg (theo khối lượng). + Phần B: Phần A = 1 kg : 2.75 kg (theo khối lượng).						6.660.000
		Levis Road Expert									
		Sơn giao thông hệ nước - Tiêu chuẩn - Levis Roadexpert - R1 - màu trắng	Thùng 18L	TCVN 8786:2011	- Quy cách đóng gói: Bộ 20 kg (phần A: phần B = 16 kg : 4 kg).	Công ty Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin		4.095.000
		Sơn giao thông hệ nước - Tiêu chuẩn - Levis Roadexpert - R1 - màu vàng	Thùng 18L	TCVN 8786:2011	- Tỷ lệ pha trộn + Phần A: Phần B = 1 kg: 0.25 kg (theo khối lượng). + Phần B: Phần A = 1 kg: 4 kg (theo khối lượng).						5.247.000
		Sơn giao thông hệ nước - Tiêu chuẩn - Levis Roadexpert - R1 - màu đỏ	Thùng 18L	TCVN 8786:2011	- Tỷ trọng: 1.2 - 1.3 g/ml. - Pha loãng: Có thể pha loãng khoảng 5% nước ngọt sạch.						4.801.500
		Sơn giao thông hệ nước - Tiêu chuẩn - Levis Roadexpert - R1 - màu đen	Thùng 18L	TCVN 8786:2011	- Màu sắc: Trắng , Vàng						4.095.000
		Sơn giao thông hệ nước - Phản quang - Levis Roadexpert - R1 - màu trắng	Thùng 18L	TCVN 8786:2011		Công ty Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin		4.815.000
		Sơn giao thông hệ nước - Phản quang - Levis Roadexpert - R1 - màu vàng	Thùng 18L	TCVN 8786:2011							6.300.000
		Sơn giao thông hệ nước - Phản quang - Levis Roadexpert - R1 - màu đỏ	Thùng 18L	TCVN 8786:2011	- Quy cách đóng gói 5 lít và 18 lít						6.255.000

		Sơn giao thông hệ nước - Phản quang - Levis Roadexpert - R1 - màu đen	Thùng 18L	TCVN 8786:2011							5.400.000
		Chống thấm PU									
		Levis AquaExpert AP100 - Sơn Chống thấm Polyurethane Gốc nước - Màu Trắng	Thùng 20 KG	QCVN 16:2019/BXD	- Quy cách đóng gói 4kg và 20kg. Màu sắc Trắng và xám	Công ty CP Lavis Brothers Coating	Việt Nam	Tùy theo yêu cầu bên mua	Không có thông tin		4.050.000
		Levis AquaExpert AP101 - Sơn Chống thấm Polyurethane Gốc nước - Màu Xám	Thùng 20 KG	QCVN 16:2020/BXD	Tỷ trọng 1.27± 0.02 g/ml. Hàm lượng rắn 60± 4% khối lượng						4.050.000
5		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Sơn Nikko Việt Nam									
		Sơn Nikkotex									
		Sơn nội thất mịn trắng, màu NIKKOTEX Extra	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 24kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		31.667
		Sơn nội thất mịn cao cấp trắng, màu NIKKOTEX x2	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 24kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		41.458
		Sơn nội thất bóng NIKKOTEX RUBY	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		97.619
		Sơn nội thất siêu bóng cao cấp trắng, màu NIKKOTEX x3	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		174.250
		Sơn nội thất bóng Ngọc Trai NIKKOTEXx10	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		127.857
		Sơn siêu trắng nội thất NIKKOTEX SUPER WHITE	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 24kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		66.042
		Sơn ngoại thất cao cấp trắng, màu NIKKOTEX x6	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		100.952
		Sơn ngoại thất bóng cao cấp trắng, màu NIKKOTEX x6+	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		149.000
		Sơn ngoại thất siêu bóng trắng, màu NIKKOTEX x7	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 19kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		255.263
		Sơn men sứ NIKKOTEX Enamel	đ/kg	TCVN 8652-2012	Lon 05kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		413.000

		Sơn lót kháng kiềm, mốc nội thất NIKKOTEX x4	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 23kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	76.304
		Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài nhà NIKKOTEX x5	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 22kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	110.227
		Sơn lót chống kiềm, muối đặc biệt ngoài nhà NIKKOTEX ^{SuperPrimer}	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 22kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	151.818
		Sơn chống thấm màu bóng cao cấp NIKKOTEX x9	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 19kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	162.105
		Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng NIKKOTEX ^{NK-11A}	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	131.250
		Bột NIKKOTEX ^{super} trong nhà cao cấp	đ/kg	TCVN 8652-2012	Bao 40kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	10.500
		Bột NIKKOTEX ^{max} chống thấm ngoài trời cao cấp	đ/kg	TCVN 8652-2012	Bao 40kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	13.000
		Sơn Nissin								
		Sơn nội thất mịn trắng, màu NISSIN v100	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 24kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	31.667
		Sơn nội thất mịn cao cấp trắng, màu NISSIN v200	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 24kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	41.458
		Sơn nội thất bóng trắng, màu NISSIN RUBY	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	97.619
		Sơn nội thất siêu bóng cao cấp trắng, màu NISSIN v300	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	177.500
		Sơn nội thất bóng Ngọc Trai cao cấp trắng và màu NISSIN v500	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	124.762
		Sơn siêu trắng nội thất NISSIN ^{SUPER WHITE}	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 24kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	66.042
		Sơn ngoại thất cao cấp trắng, màu NISSIN v700	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	98.810
		Sơn ngoại thất bóng cao cấp trắng, màu NISSIN v700 +	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	149.000

Kèm theo Văn bản số 23/CV-NIKKO-2024 ngày 26/4/2024 của Công ty CP Sơn Nikko Việt Nam và việc đề nghị công bố giá sản phẩm, hàng hóa định kỳ tại Sở Xây dựng. Mức giá đang ký này thực hiện

		Sơn ngoại thất siêu bóng trắng, màu NISSIN v800	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 19kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	từ ngày 01/5/2024 đến ngày 31/12/2024	248.684
		Sơn men sứ NISSIN Enamel	đ/kg	TCVN 8652-2012	Lon 05kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		402.000
		Sơn lót chống kiềm, mốc nội thất NISSIN v400	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 23kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		75.870
		Sơn lót chống kiềm, mốc cao cấp ngoài nhà NISSIN v600	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 22kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		106.591
		Sơn lót chống kiềm, mốc đặc biệt cao cấp ngoài nhà NISSIN SuperPrimer	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 22kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		146.364
		Sơn chống thấm màu bóng cao cấp NISSIN v900	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 19kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		162.105
		Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng NISSIN NS-11A	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		129.750
		Bột bả cao cấp NISSIN trong nhà	đ/kg	TCVN 8652-2012	Bao 40kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		10.500
		Bột bả cao cấp NISSIN chống thấm ngoài trời	đ/kg	TCVN 8652-2012	Bao 40kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		13.000
		Sơn TOGI									
		Sơn nội thất mịn trắng, màu TOGI T100	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 23kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		36.304
		Sơn nội thất bán bóng cao cấp trắng, màu TOGI T200	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		108.500
		Sơn nội thất bóng TOGI T250	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		140.714
		Sơn nội thất siêu bóng cao cấp trắng, màu TOGI T300	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		191.750
		Sơn siêu trắng nội thất TOGI T400	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 24kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		72.708
		Sơn ngoại thất cao cấp trắng, màu TOGI T500	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 23kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố		111.304

		Sơn ngoại thất bóng cao cấp trắng, màu TOGI T550	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	164.500
		Sơn ngoại thất siêu bóng trắng, màu TOGI T600	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 19kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	280.789
		Sơn men sứ bóng TOGI T650	đ/kg	TCVN 8652-2012	Lon 5,5kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	412.727
		Sơn lót kháng kiềm, mốc nội thất TOGI T700	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 23kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	84.783
		Sơn lót kháng kiềm cao cấp ngoài nhà TOGI T800	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 22kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	121.136
		Sơn lót chống kiềm, muối đặc biệt ngoài nhà TOGI T850	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 21kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	175.000
		Sơn chống thấm màu bóng cao cấp TOGI T900	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 19kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	178.421
		Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng TOGI CT – 11A	đ/kg	TCVN 8652-2012	Thùng 20kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	144.500
		Bột TOGI super trong nhà cao cấp (bao 40kg)	đ/kg	TCVN 8652-2012	Bao 40kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	11.375
		Bột TOGI max chống thấm ngoài trời cao cấp (bao 40kg)	đ/kg	TCVN 8652-2012	Bao 40kg	Cty CP Sơn Nikko Việt Nam	Việt Nam		Giá tới trung tâm huyện, thị xã, thành phố	14.250
IV	NHỰA ĐƯỜNG									
I		Sản phẩm của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex								
		Nhựa đường 60/70 - xá	đ/kg	TCVN 7493:2005		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex	Nhập khẩu	Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng	CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex (Tầng 5, số 01 Đinh Bộ Lĩnh, P.Lê Lợi, Tp.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định. ĐT: 02856 3893206. Báo giá Nhựa đường Petrolimex ngày 16/5/2024 kèm công văn số 078/2024/BG-NĐ.BĐ.KD.Giá bán có hiệu lực từ ngày 01/5/2024 đến khi có thông báo giá mới.	13.500
		Nhựa đường 60/70 - Phuy	đ/kg	TCVN 7493:2005			Nhập khẩu - đóng phuy tại Việt Nam			15.400
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011			Nhà máy nhựa đường Petrolimex			12.800
		Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CSS1-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011		CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex		Giao tại Tp Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng		14.300
		Nhũ tương gốc Axit 60% - Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011						13.300

		Nhựa đường lỏng Petrolimex MC70-Xá	đ/kg	TCVN 8817:2011							21.000
2		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai									
		CarboncorAsphalt- CA 9.5,CA6.7 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2014/TCĐB VN		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam				3.805.000
		CarboncorAsphalt- CA 12.5 (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS10:2019/CARB ONVN						Gía chưa có thuế, đã bao gồm chi phí vận chuyển từ nhà máy Đồng Nai đến trung tâm TP Đà Lạt. Ngoài địa điểm trên, mỗi km phụ trội sẽ tính thêm 3.000 đồng/tấn	3.805.000
		CarboncorAsphalt- CA 19 (Bê tông nhựa rỗng) (dùng trong xây dựng nâng cấp và cải tạo kết cấu áo đường)	Tấn	TCCS09:2019/CARB ONVN							3.065.000
		Nhũ tương kiểm thấm bảm	kg	TCVN 13506:2022		Công ty Cổ phần Carbon Việt Nam-CN Đồng Nai	Việt Nam				23.100
		Nhũ tương kiểm dính bảm	kg	TCVN 13506:2022						Gía tại kho nhà máy, chưa gồm: VAT và giá vận chuyển đến chân công trình	19.250
V	ĐÈN, ĐÈN TRANG TRÍ, ĐÈN CHIẾU SÁNG, THIẾT BỊ ĐIỆN										
1		Sản phẩm của CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát									
		ĐÈN LED									
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ								4.425.000
		Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ								5.250.000
		Đèn đường Led Nikkon S439 60W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia			Gía bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	6.375.000

		Đèn đường Led Nikkon S433 80W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							8.400.000
		Đèn đường Led Nikkon S433 85W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2- 3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia	Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: số 17 đường số 11- Khu phố 4- P.Linh Xuân-TP. Thủ Đức .Điện thoại: 0274 3739 588. Bảng báo giá sản phẩm đèn chiếu sáng LED, đèn trang trí kèm theo Công văn số 16/ĐQP/CV/2023 ngày 27/12/2023. Bảng báo giá có giá trị đến khi có thông báo giá mới	9.150.000
		Đèn đường Led Nikkon S433 90W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							9.450.000
		Đèn đường Led Nikkon S433 100W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							9.760.000
		Đèn đường Led Nikkon S433 115W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							10.650.000
		Đèn đường Led Nikkon S433 120W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							11.250.000
		Đèn đường Led Nikkon S433 145W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							12.225.000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 40W- 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							5.520.000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 60W- 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							6.560.000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 80W- 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							7.600.000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 100W- 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							8.800.000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 120W- 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							10.400.000
		Đèn đường Led Nikkon MURA 150W- 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ							12.000.000

		Đèn đường Led Nikkon MURA 185W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ	EN 61547TCVN 7722-2-3:2007 (IEC 60598-2-3:2002),TCVN 10885-2-1:2015 (IEC 62722-2-1:2014), TCVN 10485:2015 (IEC 62717:2014)		CÔNG TY TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	14.320.000
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-30W Malaysia	1 bộ					13.600.000		
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-40W Malaysia	1 bộ					14.450.000		
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-50W Malaysia	1 bộ					15.750.000		
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-60W Malaysia	1 bộ					20.250.000		
		SOLAR LED STREET LIGHT RA 365-80W Malaysia	1 bộ							24.750.000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3-100W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ							11.925.000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3-150W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ							13.425.000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S3-200W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ							14.925.000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-250W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ							20.250.000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-300W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ			Công ty TNHH SX- TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia		Giá bán trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	21.750.000
		Đèn pha Led Nikkon CERVELLI- S5-350W-5000K/4000K/3000K Malaysia	1 bộ							23.250.000
		ĐÈN TÍN HIỆU GIAO THÔNG								
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D200 - Taiwan	1 bộ	SẢN XUẤT THEO TIÊU CHUẨN: *Chip LED - LM80 * Bộ nguồn Driver : CE ,EN 55015, EN61000, EN61547 * Độ Đen : LM 79, EN60598-1, EN60598-2-3, EN62471, EN 62402 EN						11.670.000
		Đèn THGT Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ							14.100.000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ							3.900.000
		Đèn THGT chữ thập Đỏ D300 - Taiwan	1 bộ							4.200.000



		Đèn THGT nhắc lại D100 - Taiwan	1 bộ	EN 04773, EN 61000-1, EN 61547							6.600.000
		Đèn THGT đi bộ Xanh Đỏ D200 - Taiwan	1 bộ								8.550.000
		Đèn THGT đèn lùi Xanh Đỏ Vàng D300 - Taiwan	1 bộ								13.350.000
		Đèn THGT đèn lùi vuông 825x520 - Taiwan	1 bộ								23.700.000
		Tủ điều khiển THGT 2 pha	1 bộ			Công ty TNHH SX-TM & DV Đại Quang Phát	Malaysia				33.800.000
		Dù che tủ điều khiển	1 bộ								9.700.000
		Trụ đỡ tủ điều khiển + cần dù	1 bộ								3.750.000
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam									
		Đèn LE-TITAN ECO 60W, 72 leds, 7200lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100						10.065.000
		Đèn LE-TITAN ECO 80W, 161leds=10800lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 568x240x100	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam		Gia bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam. Địa chỉ: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM. Điện thoại: 0823 39 2345. Bảng báo giá sản phẩm đèn LED Thời gian áp dụng: ngày 01/01/2024 đến khi có thông báo mới.	11.000.000
		Đèn LE-TITAN MIDI 100W, 321leds=13500lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 702x314x130						12.500.000
		Đèn LE-TITAN MIDI 120W, 48 leds=17400lm, IP66, IK09. Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA. Điều chỉnh được góc nghiêng. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015; TCVN 10885-2:2015; TCVN 11843-2017; TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam					13.500.000

		Đèn LE-TITAN PRO 150W, 64 leds>=21000lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng Châu Âu ENEC. Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 702x314x130					14.500.000
		Đèn LE-TITAN PRO 205W, 96 leds, 25000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 842*340*140	Việt Nam				16.800.000
		Đèn LE-INDI ECO 60W, 7200lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC,kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 500x177x86				Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	7.500.000
		Đèn LE-INDI ECO 80W,10000lm, IP66, IK09, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89					8.200.000
		Đèn LE-INDI MIDI 100W,12000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 605*240*89					8.800.000
		Đèn LE-INDI MIDI 120W,15000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC. Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94					9.300.000
		Đèn LE-TITAN MIDI 150W, 18750lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có công 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 715x270x94					9.600.000

		Đèn LE-INDI PRO 180W, 168 leds, 22500lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có cổng 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91					11.500.000
		Đèn LE-INDI PRO 200W, 25000lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có cổng 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone)	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-1:2017	Kích thước (mm) 800x318x91					12.500.000
		Đèn LE-INDI PRO 220W, 27500lm, IP66, IK08, Tiết giảm công suất 5 cấp, Chống xung điện 10kA, Điều chỉnh được góc nghiêng, chứng nhận chất lượng châu âu ENEC.Có cổng 1-10V/ DALI, kết nối điều khiển thông minh bằng máy tính hoặc Smart phone).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 800x318x91					13.000.000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 60W, tấm năng lượng 18V/80W,IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 10000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1352*373*107	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam	Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		24.000.000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 80W, tấm năng lượng 18V/100W,IP 66, IK09, Pin LiFePO4 12,8V/42AH, 11000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107					29.500.000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 100W, tấm năng lượng 36V/100W,IP 66, IK09, Pin LiFePO4 25,6V/24AH, 13000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107					36.200.000
		Đèn LE-SOLAR OSIMI MIDI 120W, tấm năng lượng 36V/100W,IP 66, IK08, Pin LiFePO4 25,6V/30AH, 15000lm, cảm biến PIR, thấp sáng 03 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, điều chỉnh độ sáng thông qua điều khiển, sạc 8 giờ pin).	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước (mm) 1482*373*107					37.350.000

		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 60W, 30leds, 4200lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 12V/30Ah, 360Wh, tấm năng lượng mặt trời 18V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 690*265*130. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*30					15.700.000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 80W, 80leds, 1000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35					19.750.000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 100W, 100leds, 11000lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35	Công ty TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam	Việt Nam	Giá bao gồm chi phí lắp đặt; giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		20.350.000
		Đèn LE-SOLAR INDI MIDI 120W, 120leds, 15600lm, IP 66, IK08, Pin Lithium hạng A kết hợp với bộ điều khiển 24V/20Ah, 480Wh, tấm năng lượng mặt trời 36V/90W, sạc 8 giờ đầy Pin, thấp sáng từ 2-3 ngày mưa, 12 giờ mỗi đêm, hoặc có thể đặt thời gian chiếu sáng thông qua điều khiển từ xa.	bộ	TCVN 10885-1:2015;TCVN 10885-2:2015;TCVN 11843-2017;TCVN 7722-2017	Kích thước đèn (mm) 645*295*144. Kích thước tấm NLMT (mm) 670*770*35					22.350.000
3		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI)								
		Dây đồng đơn cứng bọc PVC-300/500V:								
		VC - 0,5 (Ø 0,80) - 300/500 V	đ/m	TCVN 6610-3		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam	Không có thông tin		2.250
		VC - 1,00 (Ø1,13) - 300/500 V	đ/m							3.730
		Dây điện bọc nhựa PVC-0,6/1Kv (ruột đồng):								
		VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1kV	đ/m							4.260

		VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1kV	đ/m	TC AS/NZS 5000.1		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		Không có thông tin	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028.38299443, Kèm công văn số 1544/CV-KDTT ngày 8/3/2024 về thay đổi giá bán sản phẩm từ ngày 01 tháng 3 năm 2024.Thông tin liên hệ: A Hải Khối Kinh doanh Tiếp Thị 0913.854.809. Bảng giá áp dụng trên toàn quốc	6.020
		VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1kV	đ/m								7.710
		VCmd-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1kV	đ/m					10.990			
		VCmd-2x1,5-(2x50/0.25)-0,6/1kV	đ/m					17.820			
		Dây điện mềm bọc nhựa PVC-300/500V (ruột đồng):									
		VCmo-2x1-(2x32/0.2)-300/500V	đ/m	TCVN 6610-5	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam		8.860			
		VCmo-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500V	đ/m					12.480			
		Vcmo-2x6-(2x7x12/0.30-300/500V	đ/m					45.420			
		Ống luồn dây điện:									
		Ống luồn tròn F16 dài 2,9m	đ/ống	BSEN 61386- 21;BS4607;TCVN 7417-21							
		Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	đ/ống					23.700			
		Ống luồn đàn hồi CAF-16	đ/cuộn		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Việt Nam			190.880		
		Ống luồn đàn hồi CAF-20	đ/cuộn						265.100		
4		Sản phẩm của Chi nhánh CÔNG TY Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông									
		Đèn LED năng lượng mặt trời- Chiếu pha-Chiếu sáng đường									
		Đèn LED chiếu pha NLMT 200W (Model: CP03.SL.RAD 200W.V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 20W, Quang thông đèn 1600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 18 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ							1.860.000	

		Đèn LED chiếu pha NLMT 300W (Model: CP03.SL.RAD 300W.V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 35W, Quang thông đèn 2400Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP66, IK08, có cảm biến chuyển động, LED Hàn Quốc.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin	Chi nhánh CÔNG TY CỔ PHẦN Bóng đèn Phích nước Rạng Đông.Địa chỉ: 12A Vân Đồn,phường Phước Hòa.Tp Nha Trang.Tỉnh Khánh Hòa.Điện thoại:02 583 87 44 88. Người liên hệ: 090 7613 421.Công văn số 01/24/BGLS-LĐ ngày 02/01/2024 về Báo giá VLXD trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. Mức giá thực hiện từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024.Gia bán áp dụng trên toàn quốc.	2.550.000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 50W CLC (Model: CP02.SL.RF 50W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 40W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 20 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ							2.560.000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 70W CLC (Model: CP02.SL.RF 70W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 50W, Quang thông đèn 2000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 30 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ							3.700.000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 90W CLC (Model: CP02.SL.RF 90W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 55W, Quang thông đèn 1700Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 35 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ							4.600.000
		Đèn LED chiếu pha NLMT 150W CLC (Model: CP02.SL.RF 150W) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ			Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông		Không có thông tin		7.000.000
		Đèn năng lượng mặt trời chiếu sáng đường								
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 30W (Model: CSD01.SL.RF 30W V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 65W, Quang thông đèn 3200Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 50 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông		Không có thông tin		4.750.000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 50W (Model: CSD01.SL.RF 50W V2) tấm sola Poly Crystalline rời công suất 95W, Quang thông đèn 4600Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 65 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ							6.600.000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 70W (Model: CSD02.SL 70W) tấm sola Mono Crystalline rời 18V/100W, Quang thông đèn 8000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/43 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ							18.740.000

		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 100W (Model: CSD02.SL 100W) tấm sola Mono Crystalline rời 18V/130W, Quang thông đèn 10.500Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ						23.020.000
		Đèn LED chiếu sáng đường NLMT 120W (Model: CSD02.SL 120W) tấm sola Mono Crystalline rời 18V/170W, Quang thông đèn 12.000Lm, pin lưu trữ Lithium LiFeP04 12.8V/54 Ah, cấp bảo vệ IP65, LED Samsung.	bộ						26.170.000
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm,5 cấp Dimming, IK08,IP66)							
		Đèn LED c/sáng đường 100W (Model: CSD05 100W.LĐ 3M) Ánh sáng 4000/5000K	bộ						7.058.700
		Đèn LED c/sáng đường 120W (Model: CSD05 120W.LĐ) Ánh sáng 4000/5000K	bộ						7.399.000
		Đèn LED c/sáng đường 120W (Model: CSD05 150W.LĐ) Ánh sáng 4000/5000K	bộ						7.744.000
		Đèn LED chiếu sáng đường (LED SMT-LumiLED-Philips; Tuổi thọ 50.000h, Bảo hành 5 năm,5 cấp Dimming, IK08,IP66, có đầu kết nối thông minh)							
		Đèn LED chiếu sáng đường 80W (Model: CSD08 80W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN	Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông	Việt Nam	Không có thông tin		6.000.000
		Đèn LED chiếu sáng đường 100W (Model: CSD08 100W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ						7.000.000
		Đèn LED chiếu sáng đường 120W (Model: CSD08 120W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ						7.200.000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ						7.500.000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ						9.000.000
		Đèn LED HIGHT BAY (Nhà xưởng- Nhà thi đấu)							

		Đèn LED HIGH BAY 50W(Model: HB02L 350/50W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông					1.342.000
		Đèn LED HIGH BAY 70W(Model: HB02L 350/70W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1.406.000
		Đèn LED HIGH BAY 100W(Model: HB02L 430/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2.252.000
		Đèn LED chiếu sáng đường 150W (Model: CSD08 150W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2.582.000
		Đèn LED chiếu sáng đường 200W (Model: CSD08 200W.NEMA) Ánh sáng 4000/5000K	bộ								2.746.000
		Đèn LED HIGH BAY 200W(Model: HB02L 500/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ							không có thông tin	3.328.000
		LED HIGHT BAY UFO (NHÀ XƯỞNG-KHO LẠNH...)									
		Đèn LED HIGHBAY 100W (Model: HB03 290/100W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								1.712.000
		Đèn LED HIGHBAY 120W (Model: HB03 350/120W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2.562.000
		Đèn LED HIGHBAY 150W (Model: HB03 350/150W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								2.604.000
		Đèn LED HIGHBAY 200W (Model: HB03 390/200W) ánh sáng 3000/5000/6500K	bộ								3.310.000
		ĐÈN LED Chiếu pha góc chiếu 60/90 độ (IP66,IK08) (Chiếu sáng mặt ngoài, cây cảnh, sân bóng đá mini, sân Tennis..)									
		Đèn LED chiếu pha 100W (Model:CP07 100W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ	QCVN 19:2019/BKHCN		Chi nhánh Công Ty Cổ Phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông					3.600.000
		Đèn LED chiếu pha 150W (Model:CP07 150W). Ánh sáng 4000/5000K	bộ							không có thông tin	4.600.000
		Đèn LED chiếu pha 200W (Model: CP07 200W) ánh sáng 4000/5000K	bộ								6.000.000

		Đèn LED chiếu pha 250W (Model: CP07 250W) ánh sáng 4000/5000K	bộ							8.000.000
5		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam								
		Đèn LED chiếu sáng đường phố								
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 30W đến 39W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 36/CV-SLI ngày 01/06/2024.	6.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 40W đến 49W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							6.875.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 50W đến 59W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							7.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 60W đến 69W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							8.250.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 70W đến 79W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%		9.000.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 80W đến 89W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ						Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 36/CV-SLI ngày 01/06/2024.	10.750.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 90W đến 99W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W	Bộ							11.125.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 100W đến 109W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							11.625.000

		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 110W đến 119W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ						cập nhật nâng cấp. Báo giá số 32/CV-SLI ngày 02/5/2024.	12.000.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 120W đến 129W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							12.325.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 130W đến 139W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							12.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 140W đến 149W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2-3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Báo giá số 32/CV-SLI ngày 02/5/2024	13.250.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 150W đến 159W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							13.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 160W đến 169W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							13.750.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 170W đến 179W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							15.750.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 180W đến 189W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 -10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							16.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 190W đến 200W Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen ≥ 130 Lm/W.	Bộ							17.250.000

		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 250W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen $\geq$ 130 Lm/W.	Bộ							18.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 280W. Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V(chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen $\geq$ 130 Lm/W.	Bộ							20.500.000
		Đèn LED TEMBIN Modul SMD Slighting SL7 300W(Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Lumen $\geq$ 130 Lm/W.	Bộ							23.360.000
		Đèn LED SL22 (30w - 45w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ							7.000.000
		Đèn LED SL22 (50w - 80w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ							9.000.000
		Đèn LED SL22 (85w - 100w)Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ							11.400.000
		Đèn LED SL22 (105w - 130w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ							12.200.000
		Đèn LED SL22 (135w - 150w)Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ							13.100.000
		Đèn LED SL22 (155w - 180w)Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ							13.800.000
		Đèn LED SL22 (185w - 200w) Dimming 5 cấp công suất, kết nối 0 - 10V (chuẩn DALI, kết nối quản lý và điều khiển thông minh). Chống sét 10kA	Bộ							16.200.000

		Đèn pha LED SLI-FL9 (50w-90w)	Bộ	TCVN 7722 -1 :2017 /IEC 60598-1:2014 và TCVN 7722 – 2 – 3: 2019/ IEC 60598-2- 3:2011		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%		8.220.000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (95w-135w)	Bộ							9.298.000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (140w-180w)	Bộ							10.586.300
		Đèn pha LED SLI-FL9 (185-230w)	Bộ							15.250.000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (235w- 280w)	Bộ							17.950.000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (285w-360w)	Bộ							18.972.500
		Đèn pha LED SLI-FL9 (365w-400w)	Bộ							27.150.000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (405w-450w)	Bộ							30.500.000
		Đèn pha LED SLI-FL9 (455w-520w)	Bộ							33.500.000
		Thiết bị đầu cuối thông tin di động truyền/nhận tín hiệu điều khiển SL1412: Nối trực tiếp với bộ nguồn Led (Driver) và gắn trên từng bộ đèn đường LED và đèn pha LED	Bộ	ISO 9001:2015 QCVN 12:2015/BTTTT QCVN 15:2015/BTTTT QCVN 117:2018/BTTTT						2.800.000
		Tủ điều khiển chiếu sáng thông minh có gắn kết bộ kết nối trung tâm thu phát tín hiệu điều khiển (Gateway) sử dụng 01 Sim điện thoại 4G và 01 anten đi kèm. Bộ kết nối trung tâm (Gateway) được kết nối trực tiếp với mạng internet để chuyển tín hiệu điều khiển về máy chủ, phần mềm và trung tâm điều khiển và quản lý chiếu sáng công cộng thông minh	Tủ							90.000.000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn vươn 1,5m, mạ kẽm nhúng nóng								
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=6m tôn dày 3mm	Cột							5.220.000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=7m tôn dày 3mm	Cột	ISO 9001:2015		Công ty Cổ phần				5.920.000

Công ty Cổ phần Slighting
Việt Nam
Địa chỉ trụ sở: Số 168,
đường K2, phường Cầu
Diễn, quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội. Điện thoại:
0243.6436537,
04.3719.1896.

Đơn giá trên giao tại các địa
bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng,
giá trên chưa bao gồm VAT
10%. Bảo hành: đèn và các
thiết bị (đầu cuối, tủ điều
khiển) bảo hành 5 năm, phần
mềm bảo hành trọn đời được
nhà sản xuất miễn phí khi
cập nhật nâng cấp. Bảo giá
số 32/CV-SLI ngày
02/5/2024

Công ty Cổ phần Slighting
Việt Nam
Địa chỉ trụ sở: Số 168,
đường K2, phường Cầu
Diễn, quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội. Điện thoại:
0243.6436537,
04.3719.1896.

Đơn giá trên giao tại các địa



		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=8m tôn dày 3mm	Cột	QCVN 73:2013/BTTTT		Slighting Việt Nam	Việt Nam		bản thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 32/CV-SLI ngày 02/5/2024.	6.310.000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=9m tôn dày 3,5mm	Cột							8.600.000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=10m tôn dày 4mm	Cột							9.400.000
		Trụ bát giác, tròn côn liền cần đơn, H=11m tôn dày 4mm	Cột							11.700.000
		Trụ bát giác, tròn côn cần rời D78 mạ kẽm nhúng nóng								
		Trụ bát giác, tròn côn 6m D78-3mm	Cột							5.800.000
		Trụ bát giác, tròn côn 7m D78-3mm	Cột	TCVN ISO 9001: 2015/ISO9001:2015		Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bản thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty Cổ phần Slighting Việt Nam Địa chỉ trụ sở: Số 168, đường K2, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội. Điện thoại: 0243.6436537, 04.3719.1896. Đơn giá trên giao tại các địa bản thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá trên chưa bao gồm VAT 10%. Bảo hành: đèn và các thiết bị (đầu cuối, tủ điều khiển) bảo hành 5 năm, phần mềm bảo hành trọn đời được nhà sản xuất miễn phí khi cập nhật nâng cấp. Bảo giá số 32/CV-SLI ngày 02/5/2024.	6.250.000
		Trụ bát giác, tròn côn 8m D78-3mm	Cột							6.810.000
		Trụ bát giác, tròn côn 9m D78- 4mm	Cột							8.820.000
		Trụ bát giác, tròn côn 10m D78-4mm	Cột							9.830.000
		Trụ bát giác, tròn côn 11m D78-4mm	Cột							12.830.000
		Cần đèn CD-01 cao 2m, vươn 1,5m dày 3mm	Cần							1.890.000
		Cần đèn CD-02; CD06; CD-10; CD-21; CD-27; CD-32 cao 2m, vươn 1,5m	Cần							1.785.000
		Cần đèn cánh bướm CD15	Cần							4.050.000
		Cần đèn CK-01 cao 2m, vươn 1,5m	Cần							2.390.000
		Cần đèn CK-02; CK06; CK-10; CK-21; CK-27; CK-32 cao 2m, vươn 1,5m	Cần							2.150.000

		Cần cánh buồm CK15	Cần								4.520.000
		Cọc tiếp địa									
		Cọc tiếp địa V63x63x6x2500	Cái								1.020.000
		Phụ kiện cột thép									
		KM cột M16x340x340x500	Bộ								670.000
		KM cột M16x260x260x500	Bộ								650.000
		KM cột M16x240x240x500	Bộ								630.000
		KM cột M24x300x300x675	Bộ								930.000
		KM cột M24x300x300x750	Bộ								970.000
6		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái									
		I. Cáp đồng đơn bọc cách điện PVC - CV (0,6/1kV)									
		Dây điện VCcmd 2x0.5mm2 0.6/1kV	mét								4.100
		Dây điện VCcmd 2x0.75mm2 0.6/1kV	mét								5.780
		Dây điện VCcmd 2x1mm2 0.6/1kV	mét								7.420
		Dây điện VCcmd 2x1.5mm2 0.6/1kV	mét								10.560
		Dây điện VCcmd 2x2.5mm2 0.6/1kV	mét								17.130
		Dây điện VCmo 2x0.75mm2 300/500V	mét								6.800
		Dây điện VCmo 2x1mm2 300/500V	mét								8.510
		Dây điện VCmo 2x1.5mm2 300/500V	mét								12.000
		Dây điện VCmo 2x2.5mm2 300/500V	mét								19.320
		Dây điện VCmo 2x4mm2 300/500V	mét								29.210
		Dây điện VCmo 2x6mm2 300/500V	mét								43.660
		Dây điện VCmt 2x0.75mm2 300/500V	mét								7.620
		Dây điện VCmt 2x1mm2 300/500V	mét								9.410

		Dây điện VCmt 2x1.5mm2 300/500V	mét	TCVN 5935		Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái	Việt Nam	Đơn giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình, nơi trung tâm các huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng đối với các đơn hàng tối thiểu 20.000.000 VND	Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Thái. Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Đường số 1 - Phường An Bình Thành phố Biên Hòa - Tỉnh Đồng Nai. Điện thoại: 0251.3836204. Kèm theo công văn số 01/2024/CV-VT ngày 02/01/2024 của Công ty Cổ phần Dây Cáp điện Việt Thái đến khi có thông báo mới.	13.240
		Dây điện VCmt 2x2.5mm2 300/500V	mét							21.090
		Dây điện VCmt 2x4mm2 300/500V	mét							31.480
		Dây điện VCmt 2x6mm2 300/500V	mét							46.630
		Dây điện VCmt 3x0.75mm2 300/500V	mét							10.300
		Dây điện VCmt 3x1mm2 300/500V	mét							12.790
		Dây điện VCmt 3x1.5mm2 300/500V	mét							18.610
		Dây điện VCmt 3x2.5mm2 300/500V	mét							29.400
		Dây điện VCmt 3x4mm2 300/500V	mét							44.060
		Dây điện VCmt 3x6mm2 300/500V	mét							66.830
		Dây điện VCmt 4x0.75mm2 300/500V	mét							13.210
		Dây điện VCmt 4x1mm2 300/500V	mét							16.720
		Dây điện VCmt 4x1.5mm2 300/500V	mét							24.160
		Dây điện VCmt 4x2.5mm2 300/500V	mét							38.020
		Dây điện VCmt 4x4mm2 300/500V	mét							57.620
		Dây điện VCmt 4x6mm2 300/500V	mét							86.920
		Cáp CV 1.5mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							5.490
		Cáp CV 2.5mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							8.960
		Cáp CV 4mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							13.560
		Cáp CV 6mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							19.900
		Cáp CV 10mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							32.930
		Cáp CV 16mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							52.030
		Cáp CV 25mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							81.590
		Cáp CV 35mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							112.840
		Cáp CV 50mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							154.390
		Cáp CV 70mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							220.290
		Cáp CV 95mm2 0.6/1kV AS/NZS	mét							304.650
7		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc								
		ĐÈN ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG PHỐ								
		Đèn Led đường phố PI-120W, DIM	Cái	QCVN 19:2019/BKHCN TCVN 7722-1-2017 và TCVN 7722-2-3-2019						5.213.000
		Đèn Led đường phố PI-150W, DIM	Cái							5.954.000

[illegible]

		Khung móng cột, thép CT3 hoặc C45, 20 Bulông M30, 01:2018/CSMB)	Cái		KT: Ø900mm, cao 1750mm (2 tầng đĩa định vị, lắp cho cột nâng hạ 30-35m)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		chỉ phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240524LD/CV-MB ngày 04/5/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 4/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	23.387.000
		CỘT ĐÈN SÂN, VƯỜN TRANG TRÍ									
		Đế DP03 gang cho cột thép	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							8.562.400
		Cột DP01 đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m	Cái								5.805.800
		Đế gang DC06 cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH07 (4+1) tay	Cái								5.467.000
		Cột DC01 đế gang cho cột thép	Cái								10.778.600
		Đế cột BANIAN gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm CH11 (4+1) tay	Cái								5.460.000
		Đế cột NOUVO đế gang cho cột sân vườn ống nhôm D108, cao 2,3m + Chùm đèn CH12	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							5.532.800
		CÀN ĐÈN LẮP VÀO THÂN CỘT THÉP - D78									
		Cần đơn MB01-D, MB02-D, MB05-D, MB06-D, MB07-D, MB08-D, MB09-D	Cái	TCCS 01:2018/CSMB							1.619.800
		Cần kép MB01-K, MB02-K, MB05-K, MB06-K, MB07-K, MB08-K, MB09-K	Cái								2.233.000
		Cần đơn MB03-D, MB04-D, MB10-D, MB11-D, MB12-D	Cái								1.345.400
		Cần kép MB03-K, MB04-K, MB10-K, MB11-K, MB12-K	Cái								1.876.000
		CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - LIÊN CẢN ĐƠN									
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 6m bích 300x300	Cái	TCCS 01:2018/CSMB		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chỉ phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240504LD/CV-MB ngày 04/5/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 4/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	2.310.000
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 7m, bích 300x300	Cái								2.730.000
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 8m, bích 300x300	Cái								3.500.000

		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 9m, bích 300x300	Cái							4.055.800
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 10m, bích 400x400	Cái							4.566.800
		Cột bát giác, tròn côn, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn liền cần cao 11m, bích 400x400	Cái							4.659.200
		THÂN CỘT THÉP CHIẾU SÁNG - D78								
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 4m, bích 300x300	Cái							2.170.000
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 5m, bích 300x300	Cái							2.380.000
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 6m, bích 400x400	Cái							3.175.200
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 3mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 7m, bích 400x400	Cái							4.264.400
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 8m, bích 400x400	Cái							4.960.200
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 9m, bích 400x400	Cái							6.427.400
		Cột bát giác, tròn côn - D78, thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bát giác, tròn côn thân cột cao 10m, bích 400x400	Cái							6.514.200
		CỘT GIÀN ĐÈN NÂNG HẠ (Mạ kẽm nhúng nóng theo tiêu chuẩn ASTM A123, thép SS400, nâng hạ tự động giàn đèn, kim thu sét thụ động D16)								
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dày 4mm mạ kẽm, nâng hạ 17m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái							136.360.000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dày 4mm mạ kẽm, nâng hạ 20m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái							153.160.000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dày 4mm mạ kẽm, nâng hạ 25m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái							167.160.000
		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, long dày 4mm mạ kẽm, nâng hạ 30m (có bộ điện nâng hạ, lọng bắt 8-12 đèn)	Cái							187.600.000

		Cột đèn thép SS400, thân dày 5-6mm, lòng dày 4mm mạ kẽm, nâng hạ 35m (có bộ điện nâng hạ, lòng bắt 8-12 đèn)	Cái	TCCS 01:2018/CSMB						221.200.000
		CỘT ĐÈN PHA SÂN GOLF								
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 4mm, mạ kẽm, đa giác, bắt giác, tròn côn cao 14m, bắt 2-8 đèn pha	Cái	TCCS 01:2018/CSMB						23.100.000
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bắt giác, tròn côn cao 15m, bắt 2-8 đèn pha	Cái							25.928.000
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 4/5mm, mạ kẽm, đa giác, bắt giác, tròn côn cao 16m, bắt 2-8 đèn pha	Cái							32.942.000
		Cột đa giác, tròn côn thép SS400 dày 5/6mm, mạ kẽm, đa giác, bắt giác, tròn côn cao 17m, bắt 2-8 đèn pha	Cái							34.329.400
		Nắp hố ga, song chắn rác bằng vật liệu Composite, Gang								
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái	BS EN 124-5:2015	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)	Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc. Địa chỉ công ty: Số 30 Khu C, khu đầu giá QSDĐ, tổ dân phố Phú Mỹ, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Địa chỉ nhà máy 1: KCN Quang Minh - Thị trấn Chi Đông - H. Mê Linh - TP. Hà Nội. Công văn báo giá số 240504LĐ/CV-MB ngày 04/5/2024 của Công ty thực hiện kể như báo giá tháng 4/2024 cho đến khi có bảng niêm yết giá mới	4.000.000
		Song chắn rác Composite, Gang 860x430 + Khung 960x530 tải trọng 25 tấn	Cái							6.500.000
		Song chắn rác Composite , Gang 860x430 tải trọng 25 tấn	Cái							4.100.000
		Song chắn rác Composite , Gang 860x430 tải trọng 40 tấn	Cái							4.900.000
		Song chắn rác Composite, Gang 960x530 tải trọng 12.5 tấn	Cái							3.360.000
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 12.5 tấn	Cái							4.200.000
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 25 tấn	Cái							6.460.000
		Nắp hố ga Composite, Gang 850x850 tải trọng 40 tấn	Cái							7.960.000
		Nắp hố ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 12.5 tấn	Cái							5.400.000
		Nắp hố ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 25 tấn	Cái		Công ty TNHH Thiết bị điện và Chiếu sáng Miền Bắc	Việt Nam		Đơn giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại các xã trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (trên phương tiện bên bán)		7.500.000
		Nắp hố ga Composite, Gang 900x900 tải trọng 40 tấn	Cái							8.500.000
8		Sản phẩm của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt								
		Đèn đường Led chiếu sáng công cộng các loại								
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 30-35W	Bộ		- Độ kín cun quang học IP66.					4.150.000

		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 36-40W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	-Độ kín cụm linh kiện IP66	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau.	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt. Địa chỉ: 154/8/6 Ấu Dương Lân, Phường 3, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh. Địa chỉ kho xưởng:26/2 Chánh Hưng, ấp 4, xã Phước Lộc , Huyện Nhà Bè, TP.Hồ Chí Minh, điện thoại: 0918 99 44 10-0944 99 44 10. Kèm theo Bảng báo giá Tháng 01/2024 của Công ty, Bảng báo giá có thời hạn 12 tháng.	5.250.000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 41-50W	Bộ		- Độ va đập IK08-IK09.- Hệ công suất 0,98			6.450.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 51-60W	Bộ		- Nhiệt độ bề mặt vỏ đèn 53 độ C			7.950.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 61-75W	Bộ		- Bộ đèn chịu được xung áp 20Kv			8.950.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 76-90W	Bộ		- Hiệu suất phát quang 140Lm/W			9.250.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 91-100W	Bộ		- Chỉ số hoàn màu Ra>71			9.650.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 101-115W	Bộ		- Nhiệt độ màu (3000k-400k),Hệ số duy trì quang thông >0,7			10.250.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 116-120W	Bộ		- Bộ đèn lắp công chờ NEMA, sorting cáp kết nối thông minh			10.850.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 125-130W	Bộ		- Dimming 5 cấp công suất. Có công DALI hoặc 1-10V			11.450.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 131-135W	Bộ	- BH 5 năm trọn bộ đèn.ChipLed xuất xứ Nhật Bản	11.950.000						
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 136-150W	Bộ							12.450.000	
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 151-160W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007		Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau.	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng		12.950.000
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 161-165W	Bộ					13.450.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 165-765W	Bộ					14.450.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 176-185W	Bộ					16.850.000			
		Đèn đường Led hiệu Quang Việt công suất 186-200W	Bộ					17.850.000			
		Đèn pha Led chiếu sáng công cộng các loại									
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 50W	Bộ		- Độ va đập IK08-IK09.- Hiệu suất phát quang 140Lm/W	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau.			4.950.000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 100W	Bộ		-Độ kín IP66. Dimming 5 cấp công suất			-Bảo giá trên thời hạn 12 tháng			7.950.000
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 150W	Bộ		- Hiệu suất phát quang 140Lm/W			- Thời gian giao hàng:tùy theo SL cụ thể			10.950.000

		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 200W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	- Chỉ số hoàn màu Ra>71		Việt Nam	- Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng			14.450.000		
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 220W	Bộ		- Nhiệt độ màu (3000k-6500k),Hệ số công suất >0,98					12.450.000			
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 250W	Bộ		- BH 5 năm trọn bộ đèn.ChipLed xuất xứ Nhật Bản					14.550.000			
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 300W	Bộ							16.850.000			
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 350W	Bộ							18.450.000			
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 400W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007	Thân đèn tích hợp tấm solar	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Quang Việt	Việt Nam				20.450.000		
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 450W	Bộ								26.550.000		
		Đèn pha Led hiệu Quang Việt công suất 500W	Bộ								32.550.000		
		Đèn Led năng lượng mặt trời											
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 30W	Bộ	TCVN7722-2-3:2007				- Pin Lithium	- Phương thức thanh toán: thỏa thuận sau.	Giao hàng tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng			9.850.000
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 60W	Bộ					- Bộ điều khiển 4 cấp công suất	- Báo giá trên thời hạn 12 tháng			13.450.000	
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 80W	Bộ					- Thời gian hoạt động 10h/ ngày	- Thời gian giao hàng:tùy theo SL cụ thể			17.850.000	
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 100W	Bộ					- Pin dự trữ 1 ngày không nắng	- Địa điểm giao hàng: tại tỉnh Lâm Đồng			19.850.000	
		Đèn NLMT hiệu Quang Việt công suất 120W	Bộ									23.450.000	
9		Sản phẩm của Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh											
		Quạt thông gió GEB15B2	Cái	QCVN 4:2009/BKHCN VÀ SỬA ĐỔI 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN		Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Thiết bị Điện Duy Linh. Địa chỉ: Số 4/182 ngõ 34 Phố Vĩnh Tuy- Quận Hai Bà Trưng- Hà Nội. Điện thoại: 0916 991 083. Kèm theo công văn số 0612/CV-DL ngày 06/12/2023 của Công ty Thiết	400.000		
		Tủ điện nhựa mặt phẳng SPL2/4	Cái								168.000		
		Appomat 1 cực 10A	Cái								64.000		

		Mặt 1 lỗ Luxyry trắng - GK801	Cái						bị Điện Duy Linh đến khi có thông báo mới.	61.000
		Ổ đơn 3 châu 16A (màu trắng) KTZB/1-98	Cái							35.000
10		Sản phẩm của Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1								
		Đèn Led đường phố SH-633								
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (60w-69w)	Bộ		KT 605 x 295 x 150					8.200.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (100w-109w)	Bộ		KT 605 x 295 x 150					10.000.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (120w-129w)	Bộ		KT 605 x 295 x 150					10.900.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (150w-159w)	Bộ		KT 677 x 300 x 180					12.550.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (180w-189w)	Bộ		KT 677 x 300 x 180					13.900.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-633 (220w-229w)	Bộ		KT 677 x 300 x 180					15.700.000
		Đèn Led đường phố SH-139								
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (60w-69w)	Bộ		KT 622 x 320 x 119					8.600.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (100w-109w)	Bộ		KT 622 x 320 x 119					10.400.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (120w-129w)	Bộ		KT 622 x 320 x 119					11.300.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (150w-159w)	Bộ		KT 622 x 320 x 119					12.950.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (180w-189w)	Bộ		KT 720 x 320 x 119					14.300.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-139 (220w-229w)	Bộ		KT 720 x 320 x 119					16.100.000
		Đèn Led đường phố SH-133								

		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (60w-69w)	Bộ	Đèn đạt nhân tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 422 x 318 x 136	Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị số 1. Địa chỉ nhà máy sản xuất: 109/42 An Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân. Tp HCM . Phụ trách công bố giá: Nguyễn Dương Minh Huyền, điện thoại: 0902 320722	7.900.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (100w-109w)	Bộ		KT 522 x 318 x 136					9.700.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (120w-129w)	Bộ		KT 522 x 318 x 136					10.600.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (150w-159w)	Bộ		KT 522 x 318 x 136					12.250.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (180w-189w)	Bộ		KT 853 x 318 x 136					13.600.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-133 (220w-229w)	Bộ		KT 853 x 318 x 136					15.400.000
		Đèn Led đường phố SH-688								
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (60w-69w)	Bộ	Đèn đạt nhân tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 688 x 350 x 117	Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam			8.600.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (100w-109w)	Bộ		KT 688 x 350 x 117					10.400.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (120w-129w)	Bộ		KT 688 x 350 x 117					11.300.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (150w-159w)	Bộ	Đèn đạt nhân tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011	KT 688 x 350 x 117					12.950.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (180w-189w)	Bộ		KT 688 x 350 x 117					14.300.000
		Đèn Led đường phố -Đèn SH-688 (220w-229w)	Bộ		KT 688 x 350 x 118					16.100.000
		Hệ thống điều khiển chiếu sáng đô thị thông minh								
		Thiết bị điều khiển từ thông minh Z-Master	Bộ	Đèn đạt nhân tiết kiệm năng lượng: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015 và		Công ty TNHH Công Trình Chiếu Sáng Đô Thị Số 1	Việt Nam	Đơn giá giao tại các địa bàn thuộc tỉnh Lâm Đồng, giá chưa bao gồm VAT 10%	Công ty TNHH Công trình Chiếu Sáng Đô Thị số 1. Địa chỉ nhà máy sản xuất: 109/42 An Dương Vương, P. An Lạc, Quận Bình Tân. Tp HCM . Phụ trách công bố giá: Nguyễn Dương Minh Huyền, điện thoại: 0902 320722	25.000.000
		Bộ điều khiển đèn thông minh Z-Inlamp	Bộ							3.000.000
		Đèn Led thông minh SH-633 (80w)	Bộ							9.600.000

		Đèn Led thông minh SH-633 (100w)	Bộ	TCVN 7722-2-3:2019/IEC 60598-2-3:2011						10.750.000	
		Đèn Led thông minh SH-633 (120w)	Bộ								11.650.000
		Đèn Led thông minh SH-633 (150w)	Bộ								12.850.000
11		Sản phẩm của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Điện và Chiếu sáng Đô thị Miền Nam									
		Đèn Led THGT 3 màu : Xanh - Vàng - Đỏ (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	X-V-Đ	THƯƠNG HIỆU: MIENNAMLED		Thanh toán trước	Đã bao gồm vận chuyển đến khách hàng	11.019.690	
		Đèn Led THGT 3 x D100 : Xanh - Vàng - Đỏ (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D100-XVĐ					7.605.180	
		Đèn Led THGT 3 x D200 : Xanh - Vàng - Đỏ (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D200-XVD					8.289.270	
		Đèn Led THGT 3 x D300 : Xanh - Vàng - Đỏ (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D300-XVD					10.901.880	
		Đèn led mũi tên chỉ hướng D300	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D300MT					3.966.930	
		Đèn led chữ thập D200 (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D200+					4.350.060	
		Đèn led chữ thập D300 (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D300+					4.951.980	
		Đèn Led đếm ngược D300 (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D300ĐN					3.665.970	
		Đèn Led đếm ngược D400 (nhựa ABS)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D400ĐN					5.060.880	
		Đèn Led đếm ngược D600 (nhựa ABS hoặc thép sơn tĩnh điện)+ phụ kiện	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D600ĐN					8.207.100	



		Đèn LED Đi bộ 2 x D200 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D200ĐB							6.702.300
		Đèn LED Đi bộ D300 (Led hình người đỏ, xanh), vỏ hộp và tay nhựa ABS	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D300ĐB							4.035.240
		Đèn led chớp vàng D300mm sử dụng năng lượng mặt trời (phụ kiện: gồm pin năng lượng mặt trời, tủ điều khiển) cảnh báo tín hiệu giao thông.	Bộ	TCVN 7722 (-1:2017) & (-2:2019	D300CV							9.986.130
VI	VẬT LIỆU CỬA											
1		Sản phẩm của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp										
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Việt Pháp - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam					
		-Vách kính, cửa đi, cửa sổ hệ Việt Pháp 4400										
		Vách kính hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao 1.3mm	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1L Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm. TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	1.600.000	
		Cửa đi 1 cánh hệ Việt Pháp 4400, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2								1.900.000	
		Cửa sổ mở quay, mở hất hệ Việt Pháp 4400 , kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2								1.800.000	
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ								460.000	
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hất 1 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay cài)	Bộ						Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		360.000	

		Bộ phụ kiện cửa sổ mở quay, mở hắt 2 cánh hệ Việt Pháp 4400 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay cái)	Bộ							700.000
		- Cửa đi hệ Việt Pháp 450								
		Cửa đi hệ 450 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3÷1.8mm.	M2							2.060.000
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay 1 cánh hệ Việt Pháp 450 đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 1 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam			920.000
		Bộ phụ kiện cửa mở đi quay đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Khóa, Bàn lề, Tay gạt)	Bộ							1.150.000
		-Cửa sổ, cửa đi hệ Việt Pháp 2600								
		Cửa đi lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày khung bao và khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2							1.850.000
		Cửa sổ lùa hệ Việt Pháp 2600, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm khung cánh 1.3÷1.4 mm.	M2							1.850.000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 2 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ			Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1L Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	250.000
		Bộ phụ kiện cửa đi, cửa sổ mở lùa 4 cánh đồng bộ thương hiệu Frandoor - Franalumi (gồm: Bánh xe, chốt khóa, vấu)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD						400.000
		-Vách kính mặt dựng hệ Việt Pháp 1100								
		Hệ mặt dựng 1100 Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong, khung nhôm 2mm.	M2							2.350.000
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ Xingfa - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất. Phụ kiện đồng bộ tính riêng theo từng loại cửa tương ứng.								
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 55		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Vách kính cố định hệ 55 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6.38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.4 mm.	M2							1.660.000

		Cửa đi hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 2.0mm	M2							2.300.000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm: 3 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ							1.300.000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm: 6 bản lề, tay nắm và khóa đa điểm).	Bộ							2.100.000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 4 cánh (gồm: 12 bản lề, tay nắm, chốt cửa và khóa đa điểm).	Bộ							5.000.000
		Cửa sổ mở quay, mở hất, mở trượt lửa hệ Xingfa 55, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.4mm	M2							1.950.000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đơn điểm, thanh cài).	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1L Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	390.000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cài)	Bộ							730.000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 4 cánh (gồm: bản lề chữ A, khóa tay nắm đa điểm, thanh cài)	Bộ							1.350.000
		-Vách kính cố định, cửa sổ, cửa đi hệ Xingfa 93								
		Vách kính cố định hệ 93 Xingfa, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong. Nhôm dày 2mm.	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		2.000.000
		Cửa sổ lửa Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2							2.000.000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ							1.900.000
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở trượt 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm)	Bộ							1.900.000
		Cửa đi lửa hệ Xingfa 93, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, nhôm dày 2mm.	M2							2.000.000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lửa 2 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ							1.900.000
		Bộ phụ kiện cửa đi mở trượt lửa 4 cánh (gồm: bánh xe, chốt sập, khóa đa điểm, tay nắm).	Bộ							1.900.000
									Công ty CP Nhôm Việt Pháp	

		-Vách kính mặt dựng thông tầng hệ Xingfa 65 (Bao gồm cả phụ kiện cửa sổ nếu có).		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	- Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1L Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024		
		Hệ mặt dựng Xingfa 65, kính an toàn 2 lớp 8,38 mm trắng trong. Độ dày thanh nhôm chịu lực: 2.5mm	M2									2.800.000
		Cửa, vách kính khung nhôm Hệ 55 vát cạnh - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm										
		Cửa đi hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0 mm)	M2	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam				1.950.000	
		Cửa sổ mở hất, mở quay hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2								1.900.000	
		Cửa sổ, cửa đi mở lùa hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, khung bao và khung cánh dày 1.0mm	M2								1.850.000	
		Vách kính cố định hệ 55 vát cạnh, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước vách 2000 x1600mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.0 mm)	M2								1.680.000	
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 1 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								390.000	
		Bộ phụ kiện cửa sổ mở hất, mở quay 2 cánh (gồm: tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								730.000	
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 1 cánh (gồm Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ	Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1L Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	800.000	
		Bộ phụ kiện cửa đi mở quay 2 cánh (gồm Tay nắm cửa, bản lề, thanh đa điểm)	Bộ								1.300.000	
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 2 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhấc)	Bộ								400.000	
		Bộ phụ kiện cửa sổ, cửa đi mở lùa 4 cánh (gồm: Bánh xe, chốt sập, đệm chống nhấc)	Bộ								700.000	

		Cửa thủy lực khung nhôm - Thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp sản xuất, Độ dày thanh nhôm dày từ 1.6 ÷ 2.2mm, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	
		V26: Cửa nhôm thủy lực 1 cánh Việt Pháp, (bản nhôm 120mm) kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong (kích thước cửa 1100 x2600 mm, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.2 mm).	M2					2.900.000			
		Bộ phụ kiện cửa 1 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa, tay nắm cửa).	Bộ					4.500.000			
		Bộ phụ kiện cửa 2 cánh (gồm: Bản lề sàn, khóa sàn, khóa, tay nắm cửa)	Bộ					8.000.000			
		Cửa kính khung nhôm Hệ trượt quay - Nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ, kính an toàn hai lớp dày 6.38mm, 8.38mm		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam		Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)	Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp. Địa chỉ ĐKKD: Số 1-N3, Tập thể Đại học Sư phạm 1, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 1L Lô A2-CN7, đường CN8, Cụm Công nghiệp vừa và nhỏ Từ Liêm, TP. Hà Nội, VN. Địa chỉ nhà máy 2: Lô A, KCN Trung Hà, xã Dân Quyền, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ, VN. Kèm theo CV số 03/2024/CV-NVP ngày 04/01/2024 của công ty về việc Thông báo giá vật tư, vật liệu xây dựng để đăng ký niêm yết giá tại Công bố giá VLXD Liên Sở Xây dựng - Tài chính tỉnh Lâm Đồng tháng 1/2024	
		V27: Cửa trượt quay 2 cánh Việt Pháp, kính an toàn 2 lớp 6,38 mm trắng trong, độ dày thanh nhôm chịu lực 1.6÷2.5 mm.	M2					2.200.000			
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 2 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ					2.900.000			
		Bộ phụ kiện cửa mở quay 4 cánh (gồm: Bánh xe, ray dẫn hướng, tay kéo, chốt)	Bộ					4.500.000			
		Cửa cuốn nan nhôm thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI do Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp sản xuất, phụ kiện đồng bộ của Công ty CP Nhôm Việt Pháp - Nhà máy Nhôm Việt Pháp (Đơn giá chưa bao gồm Motor, Lưu điện)		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp			Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Cửa cuốn: F48	M2					2.130.000			
		Cửa cuốn: F45E	M2					1.980.000			
		Cửa cuốn: F45I	M2					2.300.000			
		Cửa cuốn: F46	M2					2.485.000			

		Cửa cuốn: F461	M2							2.880.000
		Cửa cuốn: F49-2	M2							2.670.000
		Cửa cuốn: F49-3	M2							2.940.000
		Mô tơ và lưu điện dùng cho cửa cuốn thương hiệu FRANDOOR - FRANALUMI của Công ty Cổ phần nhôm Việt Pháp - Nhà máy nhôm Việt Pháp.		Thanh nhôm tiêu chuẩn QCVN 16:2019/BXD		Công ty CP Nhôm Việt Pháp	Việt Nam	Đơn giá tại công trình trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng (Giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình)		
		Mô tơ (tải trọng 300 kg)	M2							4.885.000
		Mô tơ (tải trọng 500 kg)	M2							5.545.000
		Mô tơ (tải trọng 700 kg)	M2							8.515.000
		Mô tơ (tải trọng 1000 kg)	M2							9.285.000
		Bộ lưu điện (900W)	M2							3.675.000
		Bộ lưu điện (1500W)	M2							4.775.000
2		Sản phẩm của Công ty TNHH Nhôm Nam Sung								
		HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2012		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam	Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhôm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 0322/2024/NS-CBG ngày 22/03/2024 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2.815.000
		HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							2.570.000
		HỆ NS-55: Cửa đi mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm chia đồ giữa / ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							2.230.000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm. Độ dày nhôm 2.0 mm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							2.815.000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mở/lùa 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2			Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam	Giá áp dụng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng		2.570.000

		HỆ NS-55: Cửa sổ mờ/lửa 1 cánh & 2 cánh (kèm ô cố định), màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							2.150.000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mờ hắt, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							2.700.000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mờ hắt, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019 TCVN 9366-2:2015		Công ty TNHH Nhôm Nam Sung	Việt Nam	Giá áp dụng trên địa bản tỉnh Lâm Đồng	Công ty TNHH Nhôm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 0322/2024/NS-CBG ngày 22/03/2024 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.	2.470.000
		HỆ NS-55: Cửa sổ mờ hắt, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							2.180.000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							1.900.000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							1.800.000
		HỆ NS-55: Vách kính / khung cố định, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.2 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							1.800.000
		SONG BẢO VỆ, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.5 mm	đồng/m2							1.500.000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lửa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2							2.750.000
		HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lửa 4 cánh - khung bao 2 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 1.4 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2						Công ty TNHH Nhôm NamSung. Địa điểm trụ sở chính và Nhà máy sản xuất: Lô N1-3, đường số 2, KCN Hải Sơn (GD 3+4), ấp Bình Tiên 2.	2.300.000

		HỆ NS-93: Cửa đi/sổ lùa 6 cánh - khung bao 3 Ray, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.0 mm. Kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2	QCVN 16:2019		Công ty TNHH Nhóm Nam Sung	Việt Nam		Giá áp dụng trên địa bản tỉnh Lâm Đồng	Xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Theo Công văn số 0322/2024/NS-CBG ngày 22/03/2024 về việc đề nghị báo giá sản phẩm được công bố trên địa bản tỉnh Lâm Đồng.	2.900.000
		HỆ NS-XL60: Cửa xếp lùa 4 cánh, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, kính trắng Công Nghiệp Hạ Long – CFG dày 5 mm	đồng/m2								3.000.000
		HỆ MẶT DỰNG NS-65: kết cấu khung 65x120, màu sơn tĩnh điện, bảo hành 05 năm, độ dày nhôm 2.5 mm, phụ kiện vít đầy đủ, kính đơn Công Nghiệp Hạ Long – CFG 10 mm	đồng/m2								3.350.000
VII	VẬT LIỆU KHÁC										
		Sản phẩm của Công ty Cổ phần Công nghiệp Vĩnh Tường									
		KHUNG TRẦN CHÌM VĨNH TƯỜNG									
		KTC VĨNH TƯỜNG VTC-SERRA BV1 NEW 26x39x3660x0.72mm-NV	Thanh	ASTM C635	VCDSR01NV000002	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		102.636
		KTC VĨNH TƯỜNG VTC-SERRA FM19 NEW 45x19.5x3660x0.5mm-NV	Thanh	ASTM C635	VCDSR02NV000005	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		71.182
		KTC VĨNH TƯỜNG VTC-SERRA PRO-NT	Thanh	ASTM C635	VCDBA01NT000007	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		111.804
		VĨNH TƯỜNG C800X	Thanh	ASTM C635	VCDBA01NT000010	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		105.500
		VĨNH TƯỜNG C800	Thanh	ASTM C635	VCDAL01NT000003	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		68.600
		KHUNG TRẦN NỔI VĨNH TƯỜNG									
		KTN VĨNH TƯỜNG VT-SmartLINE 3660 24x32x3660x0.32mm-NT	Thanh	ASTM C635	VEDSM01NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		84.891
		KTN VĨNH TƯỜNG VT-SmartLINE 3600 24x32x3600x0.32mm-NT	Thanh	ASTM C635	VEDSM02NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		84.891
		KTN VĨNH TƯỜNG VT-SmartLINE 1220 24x32x1220x0.32mm-NT	Thanh	ASTM C635	VEDSM03NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		27.364
		KTN VĨNH TƯỜNG VT-SmartLINE 1200 24x32x1200x0.32mm-NT	Thanh	ASTM C635	VEDSM04NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		27.364

		KTN VĨNH TƯỜNG VT-SmartLINE 610 24x32x610x0.32mm-NT	Thanh	ASTM C635	VEDSM05NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		15.750
		KHUNG VÁCH VĨNH TƯỜNG									
		KVN VĨNH TƯỜNG VT V-Sound 90 NT	Thanh	ASTM C645	VWDSOC9NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		263.394
		KVN VĨNH TƯỜNG VT V-Wall C51 NT	Thanh	ASTM C645	VWDVWC5NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		94.909
		KVN VĨNH TƯỜNG VT V-Wall U52 NT	Thanh	ASTM C645	VWDVWU5NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		74.432
		KVN VĨNH TƯỜNG VT V-Wall C63 NT	Thanh	ASTM C645	VWDVWC6NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		119.727
		KVN VĨNH TƯỜNG VT V-Wall U64 NT	Thanh	ASTM C645	VWDVWU6NT000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		101.455
		CỬA THÂM TRẦN									
		Cửa thâm trần VĨNH TƯỜNG Gyproc TC 9mm (200x200/400x400)	Cái	TCVN8256:2022	AM0AG0000000007	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		128.333
		Cửa thâm trần VĨNH TƯỜNG Gyproc TC 9mm (250x250/400x400)	Cái	TCVN8256:2022	AM0AG0000000230	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		133.467
		Cửa thâm trần VĨNH TƯỜNG Gyproc TC 9mm (300x300/500x500)	Cái	TCVN8256:2022	AM0AG0000000002	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		113.333
		Cửa thâm trần VĨNH TƯỜNG Gyproc TC 9mm (400x400/603x603)	Cái	TCVN8256:2022	AM0AG0000000003	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		168.981
		Cửa thâm trần VĨNH TƯỜNG Gyproc TC 9mm (450x450/603x603)	Cái	TCVN8256:2022	AM0AG0000000030	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		116.667
		TẤM TRANG TRÍ			TẤM THẠCH CAO						
		VĨNH TƯỜNG DECO Sakura 1 (Tạo đục lỗ) 605x1210x9mm	Tấm	TCVN8256:2022	TTDF09000000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		40.556
		VĨNH TƯỜNG DECO Plus Siêu trắng (Tạo) 605x1210x8mm	Tấm	TCVN8256:2022	TTDS08000000002	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		29.074
		VĨNH TƯỜNG DECO Plus Siêu trắng (Tạo) 605x1210x9mm	Tấm	TCVN8256:2022	TTDS09000000005	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		32.315
		VĨNH TƯỜNG DECO Plus Siêu trắng (Tạo CA) 605x1210x9mm	Tấm	TCVN8256:2022	TTDI090M0000007	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		47.963
		VĨNH TƯỜNG DECO Plus sơn trắng (Tạo) 605x1210x9mm	Tấm	TCVN8256:2022	TTDS09000000012	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển		29.444

		DURAFLEX / DURAFIRESTOP / DURAWOOD			TẤM XI XĂNG					
		TấmDURAflex 2X 3.0mm vuông cạnh 605x1210x3.0mm VT1	Tấm	TCVN 8258:2009	TFSD03010000003	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	27.300
		TấmDURAflex 2X 4mm vuông cạnh 1220x2440x4mm	Tấm	TCVN 8258:2009	TFSD04010000005	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	115.278
		TấmDURAflex 2X 4.5mm vuông cạnh 1220x2440x4.5mm	Tấm	TCVN 8258:2009	TFSD04510000005	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	131.944
		TấmDURAflex 2X 4.5mm vuông cạnh 1100x2440x4.5mm	Tấm	TCVN 8258:2009	TFSD04510000012	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	130.000
		TấmDURAflex 2X 6mm vuông cạnh 1220x2440x6mm	Tấm	TCVN 8258:2009	TFSD06010000018	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	178.405
		TẤM THẠCH CAO VĨNH TUỜNG-GYPROC			GYPROC					
		Thạch cao Gyproc tiêu chuẩn vuông cạnh SGS 1220x2440x9mm DA	Tấm	TCVN8256:2022	TTS009010000010	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	113.426
		Thạch cao Gyproc tiêu chuẩn vuông cạnh SGS 1210x2425x9mm DA	Tấm	TCVN8256:2022	TTS009010000011	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	110.833
		TCao VĨNH TUỜNG-Gyproc tiêu chuẩn vuông cạnh SGN 1220x2440x9 DA	Tấm	TCVN8256:2022	TTS009010000016	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	113.426
		Thạch cao VĨNH TUỜNG-Gyproc ProX vuông cạnh SGS 1210x2425x9	Tấm	TCVN8256:2022	TTX009010000003	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	126.667
		Thạch cao VĨNH TUỜNG-Gyproc ProX vuông cạnh SGS 1220x2440x9	Tấm	TCVN8256:2022	TTX009010000004	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	129.630
		VỮA TÔ NỘI THẤT GÓC THẠCH CAO			VỮA TÔ					
		Vữa tô nội thất góc thạch cao Plaster Vĩnh Tường - Gyproc 25KG	Bao	EN 13279	GP0000025000001	Vĩnh Tường - Saint Gobain	Việt Nam		Chưa bao gồm chi phí vận chuyển	150.000



